UBND TỈNH PHÚ THỌ
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 259 /QĐ- CĐYT

Phú Thọ, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển Cao đẳng hệ Chính quy Đợt 3 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ PHÚ THỌ

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07 tháng 07 năm 2021 của Bộ Lao động Thương binh & Xã hội về việc ban hành quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ giấy chứng nhận hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 18/2024/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 15 tháng 04 năm 2024 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc ban hành Quy định quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ quyết định số 349/QĐ-CĐYT ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-CĐYT ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ Cao đẳng, Trung cấp;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xét tuyển Cao đẳng hệ chính quy đợt 3 năm 2025 họp ngày 21/07/2025;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận **612** thí sinh trúng tuyển kỳ xét tuyển Cao đẳng hệ Chính quy đợt 3 năm 2025. Cụ thể như sau:

STT	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Số lượng	Ghi chú
1	Điều dưỡng	Chính quy	309	
2	Dược	Chính quy	89	
3	Kỹ thuật hình ảnh y học	Chính quy	27	
4	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chính quy	15	
5	Kỹ thuật vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Chính quy	52	
6	Y sỹ đa khoa	Chính quy	106	
7	Hộ sinh	Chính quy	14	

(*Có danh sách kèm theo*)

Scanned with CamScanner

Điều 2. Ban thư ký tuyển sinh chịu trách nhiệm gửi giấy triệu tập trúng tuyển cho thí sinh theo đúng quy định.

Điều 3. Các Ông (Bà) Phó Hiệu trưởng, Trưởng (phụ trách) các khoa, phòng và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu VT, ĐT&HTQT.

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ PHÚ THỌ

Nguyễn Quang Ân

Scanned with CamScanner

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ PHÚ THỌ
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY ĐỢT 3 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 259/QĐ - CĐYT ngày 21/07/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ)

STT	Họ và đệm	Tên	Ngành đào tạo	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Anh	Văn	Tin	CN	TỔ HỢP XÉT TUYỂN							Điểm Tổ hợp Trúng tuyển	Tên tổ hợp trúng tuyển	Ghi chú
																Toán, Lý, Hóa	Toán, Hóa, Sinh	Toán, Lý, Sinh	Toán, Sinh, Anh	Toán, Văn, Anh	Toán, Văn, Tin	Toán, Văn, Công nghệ			
1	Nguyễn Hoàng Tuấn	Anh	Điều dưỡng	24/07/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	6.1	7.3	7.4	6.9	5.1	5.7	7.6		6.9	6.8	6.8	6.0	5.6	6.5	3.9	6.9	Toán, Lý, Hóa	
2	Hà Tuấn	Anh	Điều dưỡng	10/12/2007	Nam	Mường	Phú Thọ	6.2	6.5	6.3	7.6	6	5.9	8.3		6.3	6.7	6.8	6.6	6.0	6.8	4.0	6.8	Toán, Lý, Sinh	
3	Lê Thị Ngọc	Anh	Điều dưỡng	25/03/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.2	7.2			6	6.9		9.5	4.8	2.4	4.8	4.4	6.7	4.7	7.9	7.9	Toán, Văn, Công nghệ	
4	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Điều dưỡng	26/06/2007	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	7.5		7.9	7.9		7.5	7.9		5.1	7.8	5.1	5.1	5.0	7.6	5.0	7.8	Toán, Hóa, Sinh	
5	Trần Đức	Công	Điều dưỡng	03/10/2007	Nam	Kinh	Hà Nội	7				6.1	6.8	8.5	8.6	2.3	2.3	2.3	4.4	6.6	7.4	7.5	7.5	Toán, Văn, Công nghệ	
6	Sùng A	Dinh	Điều dưỡng	21/08/2025	Nam	H Mông	Yên Bái	7.1			7.2	7.3	6.4		9	2.4	4.8	4.8	7.2	6.9	4.5	7.5	7.5	Toán, Văn, Công nghệ	
7	Nguyễn Ngọc	Đức	Điều dưỡng	05/07/2005	Nam	Kinh	Hà Giang	5.8	6.9	6.6	7.6	5.4	5.8	7.9	8.5	6.4	6.7	6.8	6.3	5.7	6.5	6.7	6.8	Toán, Lý, Sinh	
8	Hờ Thị	Già	Điều dưỡng	20/03/2007	Nữ	Mông	Yên Bái	6.3	6.8			7.1	7.3		8.4	4.4	2.1	4.4	4.5	6.9	4.5	7.3	7.3	Toán, Văn, Công nghệ	
9	Nguyễn Thị Bích	Hằng	Điều dưỡng	17/05/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	8				8.5	8.8			2.7	2.7	2.7	2.7	5.5	8.4	5.5	8.4	Toán, Văn, Tin	
10	Nguyễn Thu	Hiền	Điều dưỡng	10/03/2006	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.2	6.4		7.2	7.4	6.4	7		4.2	4.7	6.6	6.9	6.7	6.5	4.2	6.9	Toán, Sinh, Anh	
11	Giàng Thị	Hoa	Điều dưỡng	21/11/2006	Nữ	Mông	Lào Cai	6.8	7.7		7.6	7.8	7.1	7.3		4.8	4.8	7.4	7.4	7.2	7.1	4.6	7.4	Toán, Lý, Sinh	
12	Lê Thị Thanh	Hoa	Điều dưỡng	08/10/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.1				7.5	7.9	9.5	9.1	2.4	2.4	2.4	4.9	7.5	8.2	8.0	8.2	Toán, Văn, Tin	
13	Trần Thị	Hường	Điều dưỡng	02/01/2007	Nữ	Kinh	Tuyên Quang	6.5				7.7	8	8.2	8	2.2	2.2	2.2	4.7	7.4	7.6	7.5	7.6	Toán, Văn, Tin	
14	Trang Thị	Khua	Điều dưỡng	07/06/2007	Nữ	H Mông	Yên Bái	6.8	6.6	6.2	7.6	6.6	7.2	7.2		6.5	6.9	7.0	7.0	6.9	7.1	4.7	7.1	Toán, Văn, Tin	
15	Trần Thị Thùy	Linh	Điều dưỡng	19/01/2006	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.7	6.8	7.4	8.1					7.3	7.7	7.5	5.3	2.6	2.6	2.6	7.7	Toán, Hóa, Sinh	
16	Khổng Thị	Linh	Điều dưỡng	03/06/2007	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	6.7				7.4	6.7			2.2	2.2	2.2	4.7	6.9	4.5	4.5	6.9	Toán, Văn, Anh	
17	Đỗ Thị Kim	Ngân	Điều dưỡng	21/01/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	5.8	6.8			6.4	6.6		9.1	4.2	1.9	4.2	4.1	6.3	4.1	7.2	7.2	Toán, Văn, Công nghệ	
18	Ngô Thị Ánh	Nguyệt	Điều dưỡng	28/01/2007	Nữ	Kinh	Tuyên Quang	5.9				6.7	6.5	8.4	8.7	2.0	2.0	2.0	4.2	6.4	6.9	7.0	7	Toán, Văn, Công nghệ	
19	Sầm Thị	Như	Điều dưỡng	06/08/2007	Nữ	Cao Lan	Tuyên Quang	5.9				6.5	6.9	7.9	8.4	2.0	2.0	2.0	4.1	6.4	6.9	7.1	7.1	Toán, Văn, Công nghệ	
20	Chẩu Thị Tuyết	Nhung	Điều dưỡng	11/07/2007	Nữ	Tày	Tuyên Quang	6.1	6.2	6.5	8.3	5.9	5.3	7.3		6.3	7.0	6.9	6.8	5.8	6.2	3.8	7	Toán, Hóa, Sinh	
21	Sùng A	Tạ	Điều dưỡng	10/11/2007	Nam	H Mông	Yên Bái	7.6			7.3	7	7.2		8.9	2.5	5.0	5.0	7.3	7.3	4.9	7.9	7.9	Toán, Văn, Công nghệ	
22	Hoàng Phương	Thảo	Điều dưỡng	26/04/2007	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	7		6.7	7.7	7.1	7.1	8.6		4.6	7.1	4.9	7.3	7.1	7.6	4.7	7.6	Toán, Văn, Tin	
23	Hà Thị	Thảo	Điều dưỡng	07/07/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	7.6		7.6			7.5		8.5	5.1	5.1	2.5	2.5	5.0	5.0	7.9	7.9	Toán, Văn, Công nghệ	
24	Đỗ Thị Ngọc	Thư	Điều dưỡng	08/04/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	5.5				6.5	7.3	8.6	8.4	1.8	1.8	1.8	4.0	6.4	7.1	7.1	7.1	Toán, Văn, Tin	
25	Đinh Thị Thu	Thương	Điều dưỡng	24/09/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	5.9		7.4			7.4		9.1	4.4	4.4	2.0	2.0	4.4	4.4	7.5	7.5	Toán, Văn, Công nghệ	
26	Nguyễn Bích	Thủy	Điều dưỡng	27/01/1987	Nữ	Kinh	Hải Phòng	8	8.1	8.4	8					8.2	8.1	8.0	5.3	2.7	2.7	2.7	8.2	Toán, Lý, Hóa	
27	Đinh Thị Thu	Trang	Điều dưỡng	27/10/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	6.9	8.1	8.1		6.9	7.3			7.7	5.0	5.0	4.6	7.0	4.7	4.7	7.7	Toán, Lý, Hóa	
28	Lê Hoàng Anh	Vũ	Điều dưỡng	09/10/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	7.5	6.9			5.3	5.6		8.6	4.8	2.5	4.8	4.3	6.1	4.4	7.2	7.2	Toán, Văn, Công nghệ	
29	Hoàng Thị Vân	Anh	Điều dưỡng	27/09/2007	Nữ	Tày	Tuyên Quang	5.1	6.3	6.8		5.5	6.1			6.1	4.0	3.8	3.5	5.6	3.7	3.7	6.1	Toán, Lý, Hóa	
30	Nguyễn Thị Lan	Anh	Điều dưỡng	11/11/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.1	7.5	7.8	7.5	6.1	7.1	7.8		7.1	7.1	7.0	6.6	6.4	7.0	4.4	7.1	Toán, Lý, Hóa	
31	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Điều dưỡng	31/08/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.3	7.6	7.6	7.4	6.2	6.9	8.3		7.2	7.1	7.1	6.6	6.5	7.2	4.4	7.2	Toán, Lý, Hóa	
32	Nguyễn Khánh	Chi	Điều dưỡng	29/05/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.2				8.4	7	9.6	9.2	2.4	2.4	2.4	5.2	7.5	7.9	7.8	7.9	Toán, Văn, Tin	
33	Bùi Minh	Chiến	Điều dưỡng	14/09/2003	Nam	Mường	Hòa Bình	5	6.8	6.4	5.6	5.5	6	4.4	6.9	6.1	5.7	5.8	5.4	5.5	5.1	6.0	6.1	Toán, Lý, Hóa	
34	Riêu Thị Dương	Dự	Điều dưỡng	09/06/2007	Nữ	Cao Lan	Tuyên Quang	6.2				7.5	7.4	7.8	8.2	2.1	2.1	2.1	4.6	7.0	7.1	7.3	7.3	Toán, Văn, Công nghệ	
35	Nguyễn Thùy	Dương	Điều dưỡng	19/07/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.3				6.3	7.9	8.5	8.9	2.1	2.1	2.1	4.2	6.8	7.6	7.7	7.7	Toán, Văn, Công nghệ	
36	Sầm Văn	Hạnh	Điều dưỡng	08/08/2007	Nam	Cao Lan	Tuyên Quang	6.5				6.5	6.5	7.3	7.8	2.2	2.2	2.2	4.3	6.5	6.8	6.9	6.9	Toán, Văn, Công nghệ	
37	Hà Thị Bích	Hạnh	Điều dưỡng	16/07/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	5.5	7.1			7.7	6.7	8		4.2	1.8	4.2	4.4	6.6	6.7	4.1	6.7	Toán, Văn, Tin	

Scanned with CamScanner

STT	Họ và đệm	Tên	Ngành đào tạo	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Anh	Văn	Tin	CN	TỔ HỢP XÉT TUYỂN							Điểm Tổ hợp Trúng tuyển	Tên tổ hợp trúng tuyển	Ghi chú
																Toán, Lý, Hóa	Toán, Hóa, Sinh	Toán, Lý, Sinh	Toán, Sinh, Anh	Toán, Văn, Anh	Toán, Văn, Tin	Toán, Văn, Công nghệ			
38	Sùng Thị	Hiền	Điều dưỡng	10/07/2007	Nữ	Mông	Yên Bái	7.8					8.5	8.1	8.2	2.6	2.6	2.6	2.6	5.4	8.1	8.2	8.2	Toán, Văn, Công nghệ	
39	Trần Việt	Hùng	Điều dưỡng	28/10/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	6.1	6.5			6.1	6.7		8.1	4.3	2.2	4.3	4.2	6.4	4.4	7.1	7.1	Toán, Văn, Công nghệ	
40	Hồ Quỳnh	Hương	Điều dưỡng	04/02/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	5.2	7.6	6.6	7.2	6.1	6.6	7.6		6.5	6.3	6.7	6.2	6.0	6.5	3.9	6.7	Toán, Lý, Sinh	
41	Vũ Thu	Huyền	Điều dưỡng	01/01/2007	Nữ	Kinh	Tuyên Quang	5.8	7.2				6.9	6.8	7.6	4.3	1.9	4.3	1.9	4.2	6.5	6.8	6.8	Toán, Văn, Công nghệ	
42	Phan Tùng	Lâm	Điều dưỡng	15/12/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	5.8				7.9	7	8.3	8.8	1.9	1.9	1.9	4.6	6.9	7.0	7.2	7.2	Toán, Văn, Công nghệ	
43	Vương Nhật	Linh	Điều dưỡng	11/01/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	8.1				6.1	7.3	8.9	7.5	2.7	2.7	2.7	4.7	7.2	8.1	7.6	8.1	Toán, Văn, Tin	
44	Sùng Thị	Lý	Điều dưỡng	26/03/2007	Nữ	Mông	Yên Bái	7.7					8.2	7.9	8.2	2.6	2.6	2.6	2.6	5.3	7.9	8.0	8	Toán, Văn, Công nghệ	
45	Ma Lê Huyền	My	Điều dưỡng	10/11/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.1	8.6	8.4	8.3					8.0	7.9	8.0	5.1	2.4	2.4	2.4	8	Toán, Lý, Hóa	
46	Nguyễn Bảo	Ngọc	Điều dưỡng	19/11/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	5.5				8.1	7.3	7.5	8.2	1.8	1.8	1.8	4.5	7.0	6.8	7.0	7	Toán, Văn, Anh	
47	Ngần Thị Hồng	Phương	Điều dưỡng	23/09/2007	Nữ	Thái	Sơn La	6.2		6.9	7.8	7.1	6.5	7.8	8.3	4.4	7.0	4.7	7.0	6.6	6.8	7.0	7	Toán, Hóa, Sinh	
48	Ma Thị Thảo	Quỳnh	Điều dưỡng	02/12/2007	Nữ	Tày	Tuyên Quang	5.4	6.3	6.6		6.3	6.5			6.1	4.0	3.9	3.9	6.1	4.0	4.0	6.1	Toán, Lý, Hóa	
49	Sùng Thị	Thư	Điều dưỡng	28/01/2007	Nữ	Mông	Yên Bái	7.4					7.5	8.6	8.2	2.5	2.5	2.5	2.5	5.0	7.8	7.7	7.8	Toán, Văn, Tin	
50	Nguyễn Bảo	Trâm	Điều dưỡng	18/06/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.4				7.4	7.4	9.6	9.6	2.5	2.5	2.5	4.9	7.4	8.1	8.1	8.1	Toán, Văn, Tin	
51	Lê Anh	Tuấn	Điều dưỡng	23/08/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	6.5				7.5	6.4	8.7		2.2	2.2	2.2	4.7	6.8	7.2	4.3	7.2	Toán, Văn, Tin	
52	Ma Thị Ánh	Tuyết	Điều dưỡng	16/01/2007	Nữ	Tày	Tuyên Quang	6.8	7.4	7.1	8	5.9	6.9	8		7.1	7.3	7.4	6.9	6.5	7.2	4.6	7.4	Toán, Lý, Sinh	
53	Riêu Thị Bích	Việt	Điều dưỡng	09/10/2007	Nữ	Cao Lan	Tuyên Quang	6				7.5	7.3	7.8	8.7	2.0	2.0	2.0	4.5	6.9	7.0	7.3	7.3	Toán, Văn, Công nghệ	
54	Nguyễn Quỳnh	Anh	Điều dưỡng	05/12/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	5.9	7			6.6	7.5			4.3	2.0	4.3	4.2	6.7	4.5	4.5	6.7	Toán, Văn, Anh	
55	Phùng Vũ Lan	Anh	Điều dưỡng	15/07/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.2				7.3	6.9	9.1	8.7	2.4	2.4	2.4	4.8	7.1	7.7	7.6	7.7	Toán, Văn, Tin	
56	Nguyễn Xuân	Chiến	Điều dưỡng	29/04/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	6.5	8.5	8.1	8.3		7.2			7.7	7.6	7.8	4.9	4.6	4.6	4.6	7.8	Toán, Lý, Sinh	
57	Nguyễn Quyết	Chiến	Điều dưỡng	07/06/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	7.3				7.9	6.1	8.8	8.7	2.4	2.4	2.4	5.1	7.1	7.4	7.4	7.4	Toán, Văn, Tin	
58	Nguyễn Hải	Đăng	Điều dưỡng	08/08/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	7.3	8	7.5	8.3	7.7	7.1	8.8		7.6	7.7	7.9	7.8	7.4	7.7	4.8	7.9	Toán, Lý, Sinh	
59	Đỗ Hải	Đăng	Điều dưỡng	12/05/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	7.6	9.6			9.6	7		9.6	5.7	2.5	5.7	5.7	8.1	4.9	8.1	8.1	Toán, Văn, Anh	
60	Nguyễn Hoài	Diệp	Điều dưỡng	28/11/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.2				8.1	7.8	9.5	9.2	2.4	2.4	2.4	5.1	7.7	8.2	8.1	8.2	Toán, Văn, Tin	
61	Hoàng Thùy	Dương	Điều dưỡng	25/11/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.5				8.3	6.9	9	8.7	2.5	2.5	2.5	5.3	7.6	7.8	7.7	7.8	Toán, Văn, Tin	
62	Bùi Văn	Hùng	Điều dưỡng	03/03/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	8.3				9.1	8.3	9.6	9.6	2.8	2.8	2.8	5.8	8.6	8.7	8.7	8.7	Toán, Văn, Tin	
63	Dương Yến	Linh	Điều dưỡng	29/09/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.4	7.3	7.7	9	8.1	6.6	8.9		7.5	8.0	7.9	8.2	7.4	7.6	4.7	8.2	Toán, Sinh, Anh	
64	Dương Yến	Linh	Điều dưỡng	19/01/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.6				6.3	7.3	8.4	9.2	2.5	2.5	2.5	4.6	7.1	7.8	8.0	8	Toán, Văn, Công nghệ	
65	Bùi Khánh	Ly	Điều dưỡng	25/12/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7				7.9	6.3	9.2	9.1	2.3	2.3	2.3	5.0	7.1	7.5	7.5	7.5	Toán, Văn, Tin	
66	Nguyễn Phương	Mai	Điều dưỡng	07/05/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	8.3	8.3	8.3				8		8.3	5.5	5.5	2.8	2.8	5.4	2.8	8.3	Toán, Lý, Hóa	
67	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Điều dưỡng	31/08/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.5				7.3	7.1	8.3	9.1	2.2	2.2	2.2	4.6	7.0	7.3	7.6	7.6	Toán, Văn, Công nghệ	
68	Nguyễn Hồng	Nhung	Điều dưỡng	27/01/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.7				7.8	6.5	8.4	8.7	2.2	2.2	2.2	4.8	7.0	7.2	7.3	7.3	Toán, Văn, Công nghệ	
69	Hạ Tuyết	Nhung	Điều dưỡng	23/08/2006	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.4	8.1	8.4	8.6	7	7.9	8.5	9	7.6	7.8	7.7	7.3	7.1	7.6	7.8	7.8	Toán, Hóa, Sinh	
70	Lê Thị Lan	Phương	Điều dưỡng	10/03/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	5.8	7.6			6.3	7.7		8.7	4.5	1.9	4.5	4.0	6.6	4.5	7.4	7.4	Toán, Văn, Công nghệ	
71	Nguyễn Thị Kim	Phượng	Điều dưỡng	15/12/2007	Nữ	Kinh	Yên Bái	6.5	6.7			6.2	7.1		8	4.4	2.2	4.4	4.2	6.6	4.5	7.2	7.2	Toán, Văn, Công nghệ	
72	Lê Hương	Quỳnh	Điều dưỡng	18/12/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	8				7.4	7	8.7	8.6	2.7	2.7	2.7	5.1	7.5	7.9	7.9	7.9	Toán, Văn, Tin	
73	Nguyễn Trần	Tấn	Điều dưỡng	07/08/2003	Nam	Kinh	Phú Thọ	8.1	8.1	7.8	6.7	6.4	6.7	8	8.4	8.0	7.5	7.6	7.1	7.1	7.6	7.7	8	Toán, Lý, Hóa	
74	Bùi Phương	Thảo	Điều dưỡng	06/07/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.4				7.7	7.2	8.9	8.7	2.5	2.5	2.5	5.0	7.4	7.8	7.8	7.8	Toán, Văn, Tin	
75	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Điều dưỡng	12/10/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.4				7.9	7	8.9	8.4	2.1	2.1	2.1	4.8	7.1	7.4	7.3	7.4	Toán, Văn, Tin	
76	Bùi Huyền	Trang	Điều dưỡng	09/08/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.6				7.5	7.9		9.2	2.5	2.5	2.5	5.0	7.7	5.2	8.2	8.2	Toán, Văn, Công nghệ	
77	Hà Thị Thu	Trang	Điều dưỡng	11/11/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	6.5				6.5	7.3	8	8	2.2	2.2	2.2	4.3	6.8	7.3	7.3	7.3	Toán, Văn, Tin	
78	Nguyễn Ngọc Thùy	Trang	Điều dưỡng	25/12/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.2				6.6	6.7		8.1	2.1	2.1	2.1	4.3	6.5	4.3	7.0	7	Toán, Văn, Công nghệ	
79	Lê Thị Thu	Trang	Điều dưỡng	20/09/2007	Nữ	Kinh	Yên Bái	6.6				7.6	7.5	8.9	8.5	2.2	2.2	2.2	4.7	7.2	7.7	7.5	7.7	Toán, Văn, Tin	
80	Bùi Thu	Trang	Điều dưỡng	08/06/2007	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	6.6				6.8	8		8.9	2.2	2.2	2.2	4.5	7.1	4.9	7.8	7.8	Toán, Văn, Công nghệ	
81	Đỗ Thị Thùy	Trang	Điều dưỡng	13/12/2007	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	6.9				6.4	7.2	7.9	8.3	2.3	2.3	2.3	4.4	6.8	7.3	7.5	7.5	Toán, Văn, Công nghệ	

SỞ Y TẾ TỈNH PHÚ THỌ TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ PHÚ THỌ

Scanned with CamScanner

STT	Họ và đệm	Tên	Ngành đào tạo	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Anh	Văn	Tin	CN	TỔ HỢP XÉT TUYỂN							Điểm Tổ hợp Trúng tuyển	Tên tổ hợp trúng tuyển	Ghi chú
																Toán, Lý, Hóa	Toán, Hóa, Sinh	Toán, Lý, Sinh	Toán, Sinh, Anh	Toán, Văn, Anh	Toán, Văn, Tin	Toán, Văn, Công nghệ			
82	Nguyễn Minh	Trang	Điều dưỡng	18/08/2007	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	5.4				7	7.7		8.9	1.8	1.8	1.8	4.1	6.7	4.4	7.3	7.3	Toán, Văn, Công nghệ	
83	Đàm Thùy	Trang	Điều dưỡng	13/04/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6				8.9	6.6	9.5	9.2	2.0	2.0	2.0	5.0	7.2	7.4	7.3	7.4	Toán, Văn, Tin	
84	Nguyễn Đức Hoàng	Trung	Điều dưỡng	05/05/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	6.7	6.3	5.9	7.5	6.6	6.1	7.3		6.3	6.7	6.8	6.9	6.5	6.7	4.3	6.9	Toán, Sinh, Anh	
85	Trương Xuân	Trường	Điều dưỡng	16/08/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	6.8				5.2	6.8		7.9	2.3	2.3	2.3	4.0	6.3	4.5	7.2	7.2	Toán, Văn, Công nghệ	
86	Nguyễn Vũ Hà	Anh	Điều dưỡng	10/01/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.5	8.5		7.7	8.2	7.1		8.9	5.0	4.7	7.6	7.5	7.3	4.5	7.5	7.6	Toán, Lý, Sinh	
87	Dương Như	Chinh	Điều dưỡng	24/06/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.3			8.7	7.7	8.2		8.7	2.4	5.3	5.3	7.9	7.7	5.2	8.1	8.1	Toán, Văn, Công nghệ	
88	Lưu Thanh	Hà	Điều dưỡng	11/12/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	8.2				7.8	7	8.4	8.7	2.7	2.7	2.7	5.3	7.7	7.9	8.0	8	Toán, Văn, Công nghệ	
89	Trần Thu	Hà	Điều dưỡng	02/01/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.4			8.7	7.3	8	7.7		2.5	5.4	5.4	7.8	7.6	7.7	5.1	7.8	Toán, Sinh, Anh	
90	Nguyễn Đào Mai	Hương	Điều dưỡng	25/10/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.3	9.1		9.2	7.2	7.7		9.3	5.5	5.5	8.5	7.9	7.4	5.0	8.1	8.5	Toán, Lý, Sinh	
91	Nguyễn Quốc	Khánh	Điều dưỡng	01/09/2003	Nam	Kinh	Phú Thọ	8.1	7.2	8.3	6.8	6.4	7.2	8.2	7.9	7.9	7.7	7.4	7.1	7.2	7.8	7.7	7.9	Toán, Lý, Hóa	
92	Nguyễn Mỹ	Lệ	Điều dưỡng	15/07/2007	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	5.4			7.8	7	7.5		8.4	1.8	4.4	4.4	6.7	6.6	4.3	7.1	7.1	Toán, Văn, Công nghệ	
93	Hà Phương	Linh	Điều dưỡng	26/04/2007	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	6.7		7.1		6.7	8.3		9.1	4.6	4.6	2.2	4.5	7.2	5.0	8.0	8	Toán, Văn, Công nghệ	
94	Lưu Phương	Nam	Điều dưỡng	17/10/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	6	8.1	7.5			8.2	8.6		7.2	4.5	4.7	2.0	4.7	7.6	4.7	7.6	Toán, Văn, Tin	
95	Trần Thị	Ngọc	Điều dưỡng	16/10/2007	Nữ	Kinh	Tuyên Quang	5.4				8	6.7	8.3		1.8	1.8	1.8	4.5	6.7	6.8	4.0	6.8	Toán, Văn, Tin	
96	Đỗ Thảo	Nguyên	Điều dưỡng	03/02/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.7				7.5	7.7	8.6	9	2.2	2.2	2.2	4.7	7.3	7.7	7.8	7.8	Toán, Văn, Công nghệ	
97	Bùi Thị Hồng	Phúc	Điều dưỡng	20/10/2007	Nữ	Mường	Hòa Bình	7.2	7.2	6.8	7.9	7.4	7.7	8.4		7.1	7.3	7.4	7.5	7.4	7.8	5.0	7.8	Toán, Văn, Tin	
98	Đinh Hoài	Sim	Điều dưỡng	15/07/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	5.7	6.9	6.9	7.2	6.7	8.1	6.6		6.5	6.6	6.6	6.5	6.8	6.8	4.6	6.8	Toán, Văn, Anh	
99	Trần Phương	Thảo	Điều dưỡng	07/09/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	8.7				8.8	8.7	9.2	9.4	2.9	2.9	2.9	5.8	8.7	8.9	8.9	8.9	Toán, Văn, Tin	
100	Đinh Thị Thu	Thủy	Điều dưỡng	14/06/2007	Nữ	Mường	Hòa Bình	6.5			8.1	6.7	8.7		8.9	2.2	4.9	4.9	7.1	7.3	5.1	8.0	8	Toán, Văn, Công nghệ	
101	Lý Văn	Tình	Điều dưỡng	11/08/2004	Nam	Dao	Hà Giang	5.1	6.4	6.1	7.2	5.3	6.3	7	7.9	5.9	6.1	6.2	5.9	5.6	6.1	6.4	6.4	Toán, Văn, Công nghệ	
102	Đặng Tố	Uyên	Điều dưỡng	12/08/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	7	6.7	7.3	8	7	7.8			7.0	7.4	7.2	7.3	7.3	4.9	4.9	7.4	Toán, Hóa, Sinh	
103	Dương Thị Yến	Vy	Điều dưỡng	19/12/2007	Nữ	Tày	Vĩnh Phúc	6	8.4	6.6	8.4	6.6	8		8.1	7.0	7.0	7.6	7.0	6.9	4.7	7.4	7.6	Toán, Lý, Sinh	
104	Đào Thị Phương	Anh	Điều dưỡng	20/05/2007	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	5.7			8	7.5	7.7		8	1.9	4.6	4.6	7.1	7.0	4.5	7.1	7.1	Toán, Sinh, Anh	
105	Trần Thị Hương Ngọc	Lan	Điều dưỡng	04/09/2007	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	6.2		6.4		6.6	7.6		7.1	4.2	4.2	2.1	4.3	6.8	4.6	7.0	7	Toán, Văn, Công nghệ	
106	Trần Lê Nhật	Linh	Điều dưỡng	07/12/2005	Nam	Kinh	Hà Nội	5.7	5	6.2	6.5	7.8	6.3	8.4	8.7	5.6	6.1	5.7	6.7	6.6	6.8	6.9	6.9	Toán, Văn, Công nghệ	
107	Bùi Thị	Mai	Điều dưỡng	15/05/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.4			9.3	8.9	7.4		9.6	2.5	5.6	5.6	8.5	7.9	4.9	8.1	8.5	Toán, Sinh, Anh	
108	Vũ Hoàng	My	Điều dưỡng	07/07/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.6			8	7.3	8		8.7	2.2	4.9	4.9	7.3	7.3	4.9	7.8	7.8	Toán, Văn, Công nghệ	
109	Hà Hải	Ngọc	Điều dưỡng	07/06/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.7			8	7.1	8.1		8.8	2.2	4.9	4.9	7.3	7.3	4.9	7.9	7.9	Toán, Văn, Công nghệ	
110	Phùng Hoài	Nhi	Điều dưỡng	29/05/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	7.3	8.4	8.4	8.3		7.5			8.0	8.0	8.0	5.2	4.9	4.9	4.9	8	Toán, Lý, Hóa	
111	Nguyễn Minh	Phước	Điều dưỡng	14/02/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	6.9	7.2	6.9	7.7	7.6	6.2	8	8	7.0	7.2	7.3	7.4	6.9	7.0	7.0	7.4	Toán, Sinh, Anh	
112	Lê Phương	Thủy	Điều dưỡng	07/08/2007	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	5				7	7.7		7.8	1.7	1.7	1.7	4.0	6.6	4.2	6.8	6.8	Toán, Văn, Công nghệ	
113	Nguyễn Huyền	Trang	Điều dưỡng	07/05/2007	Nữ	Kinh	Bắc Giang	7.5			9.3	8.4	7.8		9.4	2.5	5.6	5.6	8.4	7.9	5.1	8.2	8.4	Toán, Sinh, Anh	
114	Nguyễn Quang	Vũ	Điều dưỡng	09/09/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	7.3			9.6	8.9	7.7		9.7	2.4	5.6	5.6	8.6	8.0	5.0	8.2	8.6	Toán, Sinh, Anh	
115	Thào Thị Lan	Anh	Điều dưỡng	18/03/2004	Nữ	Mông	Điện Biên	7.2	7.3	8.2	7.1	8.2	7.5	7.9	8.5	7.6	7.5	7.2	7.5	7.6	7.5	7.7	7.7	Toán, Văn, Công nghệ	
116	Phùng Thị	Ánh	Điều dưỡng	20/04/2007	Nữ	Kinh	Yên Bái	6.1	7.3			6.1	7		9.5	4.5	2.0	4.5	4.1	6.4	4.4	7.5	7.5	Toán, Văn, Công nghệ	
117	Phan Thị Ngọc	Ánh	Điều dưỡng	09/09/2007	Nữ	Kinh	Tuyên Quang	5.7				7.8	6.5	8.3	8.7	1.9	1.9	1.9	4.5	6.7	6.8	7.0	7	Toán, Văn, Công nghệ	
118	Hà Thị Minh	Ánh	Điều dưỡng	13/01/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	5.7				6.7	7.7	8	8.1	1.9	1.9	1.9	4.1	6.7	7.1	7.2	7.2	Toán, Văn, Công nghệ	
119	Phạm Thị	Ánh	Điều dưỡng	04/05/2007	Nữ	Kinh	Tuyên Quang	5.3		6.7		5.9	6.3		8.4	4.0	4.0	1.8	3.7	5.8	3.9	6.7	6.7	Toán, Văn, Công nghệ	
120	Thào Thị	Chu	Điều dưỡng	03/10/2007	Nữ	Mông	Sơn La	6.3		6.3	7.3	7	6	7.3	7.2	4.2	6.6	4.5	6.9	6.4	6.5	6.5	6.9	Toán, Sinh, Anh	
121	Lù Quang	Chung	Điều dưỡng	28/08/2007	Nam	La Chí	Hà Giang	6.5	7.9	5.7	6.7	6.1	6			6.7	6.3	7.0	6.4	6.2	4.2	4.2	7	Toán, Lý, Sinh	
122	Ma Thị	Hạnh	Điều dưỡng	15/04/2007	Nữ	Tày	Tuyên Quang	5.5			6.7	6.5	6	7		2.2	4.4	2.2	4.2	4.3	6.2	3.8	6.2	Toán, Văn, Tin	
123	Hà Thái	Hiền	Điều dưỡng	09/05/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	6				6.6	6.9	8.1	7.9	2.0	2.0	2.0	4.2	6.5	7.0	6.9	7	Toán, Văn, Tin	
124	Nguyễn Ngọc	Hiền	Điều dưỡng	18/12/2007	Nữ	Kinh	Lai Châu	6.8	7.81	7.3	7	8.3	6.7	8.3		7.3	7.0	7.2	7.4	7.3	7.3	4.5	7.4	Toán, Sinh, Anh	
125	Ma Thị	Hoa	Điều dưỡng	06/01/2007	Nữ	Tày	Tuyên Quang	6.3			6.8	5	7			2.1	4.4	4.4	6.0	6.1	4.4	4.4	6.1	Toán, Văn, Anh	

Scanned with CamScanner

STT	Họ và đệm	Tên	Ngành đào tạo	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Anh	Văn	Tin	CN	TỔ HỢP XÉT TUYỂN							Điểm Tổ hợp Trúng tuyển	Tên tổ hợp trúng tuyển	Ghi chú
																Toán, Lý, Hóa	Toán, Hóa, Sinh	Toán, Lý, Sinh	Toán, Sinh, Anh	Toán, Văn, Anh	Toán, Văn, Tin	Toán, Văn, Công nghệ			
126	Hoàng Thị Quỳnh	Hương	Điều dưỡng	28/12/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	7.5	8.4	8.2	8.5		8.1			8.0	8.1	8.1	5.3	5.2	5.2	5.2	8.1	Toán, Hóa, Sinh	
127	Hà Thị Bích	Huyền	Điều dưỡng	22/09/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	6.8				6.8	7.4	8	8	2.3	2.3	2.3	4.5	7.0	7.4	7.4	7.4	Toán, Văn, Tin	
128	Vàng Thị Hoài	Linh	Điều dưỡng	09/11/2007	Nữ	Tày	Lào Cai	4.7	7			6	6	7.1		3.9	1.6	3.9	3.6	5.6	5.9	3.6	5.9	Toán, Văn, Tin	
129	Thào Thị	Mây	Điều dưỡng	09/07/2007	Nữ	Mông	Lào Cai	5.9	8.2			7.4	6.9	8.3		4.7	2.0	4.7	4.4	6.7	7.0	4.3	7	Toán, Văn, Tin	
130	Hà Công	Minh	Điều dưỡng	26/08/2007	Nam	Mường	Phú Thọ	6.4	8.1	8.4	8.2		7			7.6	7.7	7.6	4.9	4.5	4.5	4.5	7.7	Toán, Hóa, Sinh	
131	Vàng Thị	Mỳ	Điều dưỡng	03/08/2007	Nữ	Mông	Lào Cai	5.9	7.2	7	8.4	6.7	6.8	8.6		6.7	7.1	7.2	7.0	6.5	7.1	4.2	7.2	Toán, Lý, Sinh	
132	Và Ỳ	Nênh	Điều dưỡng	11/08/2007	Nữ	Mông	Nghệ An	6.3	7.5	7.6	7.3	7.7	6.8	7.8		7.1	7.1	7.0	7.1	6.9	7.0	4.4	7.1	Toán, Lý, Hóa	
133	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	Điều dưỡng	19/03/2007	Nữ	Kinh	Tuyên Quang	5.8	5.7			5	6.2	6.5		3.8	1.9	3.8	3.6	5.7	6.2	4.0	6.2	Toán, Văn, Tin	
134	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Điều dưỡng	12/09/2007	Nữ	Kinh	Tuyên Quang	4.4				6.1	7.2	8.1	8.1	1.5	1.5	1.5	3.5	5.9	6.6	6.6	6.6	Toán, Văn, Tin	
135	Nghiêm Thị Thúy	Nhuần	Điều dưỡng	17/01/2007	Nữ	Tày	Yên Bái	6.7	7	7.5			7.9	8.2		7.1	4.7	4.6	2.2	4.9	7.6	4.9	7.6	Toán, Văn, Tin	
136	Nguyễn Tiến Hoàng	Phú	Điều dưỡng	27/10/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	5.7		5.8		6.8	7.2	8.2	7.7	3.8	3.8	1.9	4.2	6.6	7.0	6.9	7	Toán, Văn, Tin	
137	Hoàng Thu	Phương	Điều dưỡng	26/03/2007	Nữ	Thái	Yên Bái	7.9	6.9	7.7	7.8	6.5	8.4	7.9		7.5	7.8	7.5	7.4	7.6	8.1	5.4	8.1	Toán, Văn, Tin	
138	Nguyễn Thanh	Tâm	Điều dưỡng	05/05/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.4		7.9			6.4		8.2	4.8	4.8	2.1	2.1	4.3	4.3	7.0	7	Toán, Văn, Công nghệ	
139	Hoàng Thị	Thanh	Điều dưỡng	03/06/2007	Nữ	Cao Lan	Tuyên Quang	6.2	5.9			6	6.5	7.9		4.0	2.1	4.0	4.1	6.2	6.9	4.2	6.9	Toán, Văn, Tin	
140	Nguyễn Anh	Thư	Điều dưỡng	07/07/2007	Nữ	Kinh	Yên Bái	6.5	6.9			7.3	7.2		7.7	4.5	2.2	4.5	4.6	7.0	4.6	7.1	7.1	Toán, Văn, Công nghệ	
141	Lê Thanh	Thư	Điều dưỡng	28/06/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	5.2				7.5	6.9	8.6	8.5	1.7	1.7	1.7	4.2	6.5	6.9	6.9	6.9	Toán, Văn, Tin	
142	Sin Đức	Tiến	Điều dưỡng	16/01/2007	Nam	Nùng	Hà Giang	6.4	7.8	6.5	6.4	6.3	6	7.2		6.9	6.4	6.9	6.4	6.2	6.5	4.1	6.9	Toán, Lý, Hóa	
143	Tòng Văn	Tú	Điều dưỡng	24/08/2007	Nam	Thái	Điện Biên	5.5				6	6.5	7.4	7.6	1.8	1.8	1.8	3.8	6.0	6.5	6.5	6.5	Toán, Văn, Tin	
144	Hà Thị Việt	Anh	Điều dưỡng	09/09/2007	Nữ	Tày	Tuyên Quang	5.5			7	6.1	6.2		8.5	1.8	4.2	4.2	6.2	5.9	3.9	6.7	6.7	Toán, Văn, Công nghệ	
145	Nguyễn Thị Phương	Anh	Điều dưỡng	17/10/2007	Nữ	Kinh	Tuyên Quang	7.2		5.8		6.6	6.2			4.3	4.3	2.4	4.6	6.7	4.5	4.5	6.7	Toán, Văn, Anh	
146	Sầm Thùy	Chi	Điều dưỡng	19/11/2007	Nữ	Thái	Sơn La	6.6			6.2	6.5	6.8	8.1		2.2	4.3	4.3	6.4	6.6	7.2	4.5	7.2	Toán, Văn, Tin	
147	Lộc Thị Quỳnh	Chi	Điều dưỡng	04/09/2007	Nữ	Tày	Tuyên Quang	4.8				5.5	6.7	7.8	7	1.6	1.6	1.6	3.4	5.7	6.4	6.2	6.4	Toán, Văn, Tin	
148	Ma Thị	Diễm	Điều dưỡng	16/07/2007	Nữ	Tày	Tuyên Quang	5.8	6.1	7	8.1	5.9				6.3	7.0	6.7	6.6	3.9	1.9	1.9	7	Toán, Hóa, Sinh	
149	Nguyễn Minh	Đức	Điều dưỡng	12/02/2007	Nam	Kinh	Tuyên Quang	6.5		6		6.3	5.3		7.3	4.2	4.2	2.2	4.3	6.0	3.9	6.4	6.4	Toán, Văn, Công nghệ	
150	Giàng A	Dũng	Điều dưỡng	02/02/2007	Nam	Mông	Điện Biên	6.6	7.3	6.3	7.6	7.1	6.9			6.7	6.8	7.2	7.1	6.9	4.5	4.5	7.2	Toán, Lý, Sinh	
151	Lương Mạnh	Hà	Điều dưỡng	26/12/2007	Nam	Kinh	Hà Nội	6.9		7.3	7.6		6.8	7.3		4.7	7.3	4.8	4.8	4.6	7.0	4.6	7.3	Toán, Hóa, Sinh	
152	Hà Thu	Hiền	Điều dưỡng	11/07/2007	Nữ	Tày	Tuyên Quang	6	6.8	5.7	6.4	6.3	6			6.2	6.0	6.4	6.2	6.1	4.0	4.0	6.4	Toán, Lý, Sinh	
153	Phan Đức	Hiếu	Điều dưỡng	15/04/2007	Nam	Kinh	Hà Giang	6.5			7.1	7	6.9	8.1		2.2	4.5	4.5	6.9	6.8	7.2	4.5	7.2	Toán, Văn, Tin	
154	Nguyễn Mai	Hoa	Điều dưỡng	18/08/2007	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	7.8	8.3	8.6	7.9		7.5			8.2	8.1	8.0	5.2	5.1	5.1	5.1	8.2	Toán, Lý, Hóa	
155	Quách Thị Kim	Huệ	Điều dưỡng	17/10/2007	Nữ	Mường	Hòa Bình	7.2		6.4	6.8	6.8	7.6		8.5	4.5	6.8	4.7	6.9	7.2	4.9	7.8	7.8	Toán, Văn, Công nghệ	
156	Phạm Thị Lan	Hương	Điều dưỡng	03/12/2007	Nữ	Kinh	TP/ HCM	6.6				6.5	7.2	9.2	9.6	2.2	2.2	2.2	4.4	6.8	7.7	7.8	7.8	Toán, Văn, Công nghệ	
157	Vương Đức	Huy	Điều dưỡng	13/07/2007	Nam	Kinh	Tuyên Quang	4.7	5.9	6.5	6	5.1	6			5.7	5.7	5.5	5.3	5.3	3.6	3.6	5.7	Toán, Lý, Hóa	
158	Đàm Anh	Khoa	Điều dưỡng	13/01/2007	Nam	Tày	Tuyên Quang	4.1				4.6	5.4	6.1	6	1.4	1.4	1.4	2.9	4.7	5.2	5.2	5.2	Toán, Văn, Tin	
159	Đặng Khánh	Linh	Điều dưỡng	04/08/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.7	7.7	7.4	6.7	6.6	6.9			7.3	6.9	7.0	6.7	6.7	4.5	4.5	7.3	Toán, Lý, Hóa	
160	Hà Thị	Lương	Điều dưỡng	07/12/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	5.6	6.7	7	8.4	7.3	8	8.1		6.4	7.0	6.9	7.1	7.0	7.2	4.5	7.2	Toán, Văn, Tin	
161	Hoàng Đức	Lương	Điều dưỡng	20/12/2000	Nam	Kinh	Phú Thọ	7.1	6.5	8.1	7.4	7	7	8.2	8	7.2	7.5	7.0	7.2	7.0	7.4	7.4	7.5	Toán, Hóa, Sinh	
162	Bùi Thị	Luyến	Điều dưỡng	07/07/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	5.9				6.5	6.3	8.2	9	2.0	2.0	2.0	4.1	6.2	6.8	7.1	7.1	Toán, Văn, Công nghệ	
163	Trần Thị Ánh	Nguyệt	Điều dưỡng	11/06/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	8.1	8.8				7.8			5.6	2.7	5.6	2.7	5.3	5.3	5.3	5.6	Toán, Lý, Hóa	
164	Chu Hu	Phạ	Điều dưỡng	12/01/2003	Nam	Hà Nhì	Lai Châu	6.6	7.6	7.6	7.7	6	7	8.2	8.4	7.3	7.3	7.3	6.8	6.5	7.3	7.3	7.3	Toán, Lý, Hóa	
165	Nguyễn Chúc	Quỳnh	Điều dưỡng	03/12/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.5				6.7	8.1	9	8.3	2.5	2.5	2.5	4.7	7.4	8.2	8.0	8.2	Toán, Văn, Tin	
166	Lầu Thị	Si	Điều dưỡng	06/12/2006	Nữ	Mông	Sơn La	6.6	7.7	8.2	6.8	6.8	6.4	8.5	8.9	7.5	7.2	7.0	6.7	6.6	7.2	7.3	7.5	Toán, Lý, Hóa	
167	Tày Trung	Thành	Điều dưỡng	21/07/2007	Nam	Tày	Tuyên Quang	7.4		7.7		8	7.7		8.6	5.0	5.0	2.5	5.1	7.7	5.0	7.9	7.9	Toán, Văn, Công nghệ	
168	Ma Thị	Thảo	Điều dưỡng	08/08/2007	Nữ	Tày	Tuyên Quang	5.7		6.6	6.2	5.6	6.8	6.9		4.1	6.2	4.0	5.8	6.0	6.5	4.2	6.5	Toán, Văn, Tin	
169	Trần Thị Phương	Thảo	Điều dưỡng	30/08/2007	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	7.3	8.1	8	7.9		7.5			7.8	7.7	7.8	5.1	4.9	4.9	4.9	7.8	Toán, Lý, Hóa	

Scanned with CamScanner

STT	Họ và đệm	Tên	Ngành đào tạo	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Anh	Văn	Tin	CN	TỔ HỢP XÉT TUYỂN							Điểm Tổ hợp Trúng tuyển	Tên tổ hợp trúng tuyển	Ghi chú
																Toán, Lý, Hóa	Toán, Hóa, Sinh	Toán, Lý, Sinh	Toán, Sinh, Anh	Toán, Văn, Anh	Toán, Văn, Tin	Toán, Văn, Công nghệ			
170	Hoàng Thị Huyền	Trang	Điều dưỡng	30/08/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.7		6.6	8.1		7		7.4	4.5	7.2	5.0	5.0	4.7	4.7	7.1	7.2	Toán, Hóa, Sinh	
171	Đỗ Huyền	Trang	Điều dưỡng	27/11/2007	Nữ	Tày	Tuyên Quang	6				6.3	6.2	7.3	7.8	2.0	2.0	2.0	4.1	6.2	6.5	6.7	6.7	Toán, Văn, Công nghệ	
172	Sùng Tổng	Xay	Điều dưỡng	15/04/2006	Nam	Mông	Yên Bái	6.4	7.4		7.3	6.6		6.5		4.6	4.6	7.0	6.8	4.3	4.3	2.1	7	Toán, Lý, Sinh	
173	Lê Phương	Anh	Điều dưỡng	09/11/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.3	7.5			7.2	7.2		8.7	4.9	2.4	4.9	4.8	7.2	4.8	7.7	7.7	Toán, Văn, Công nghệ	
174	Nguyễn Ngọc Hoàng	Anh	Điều dưỡng	20/02/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	7.1	7.1	7.6			7.6	8.7		7.3	4.9	4.7	2.4	4.9	7.8	4.9	7.8	Toán, Văn, Tin	
175	Nguyễn Minh	Chiến	Điều dưỡng	16/10/2007	Nam	Cao Lan	Tuyên Quang	5		5.9		5.8	5		7.3	3.6	3.6	1.7	3.6	5.3	3.3	5.8	5.8	Toán, Văn, Công nghệ	
176	Sồng A	Cường	Điều dưỡng	17/04/2007	Nam	Mông	Sơn La	5.5		6.6		6.2	5.7	7.7		4.0	4.0	1.8	3.9	5.8	6.3	3.7	6.3	Toán, Văn, Tin	
177	Lương Kiều	Diễm	Điều dưỡng	06/11/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	8	7.6			8.8	8.1		8.6	5.2	2.7	5.2	5.6	8.3	5.4	8.2	8.3	Toán, Văn, Anh	
178	La Thị	Hà	Điều dưỡng	23/02/2007	Nữ	Cao Lan	Tuyên Quang	6.7	7	6.9	6.9	5.1	7		8.5	6.9	6.8	6.9	6.2	6.3	4.6	7.4	7.4	Toán, Văn, Công nghệ	
179	Lê Huy	Hiệu	Điều dưỡng	15/01/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	5.6	7.1			5.4	5.5		7.8	4.2	1.9	4.2	3.7	5.5	3.7	6.3	6.3	Toán, Văn, Công nghệ	
180	Lò Lâm	Hùng	Điều dưỡng	16/07/2007	Nam	Thái	Sơn La	6.1	7.7			6.6	6.7	7.6		4.6	2.0	4.6	4.2	6.5	6.8	4.3	6.8	Toán, Văn, Tin	
181	Nguyễn Thu	Huyền	Điều dưỡng	23/07/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	5.3				6.5	7.4	7.5	7.7	1.8	1.8	1.8	3.9	6.4	6.7	6.8	6.8	Toán, Văn, Công nghệ	
182	Sầm Thị Kim	Khánh	Điều dưỡng	27/12/2006	Nữ	Cao Lan	Tuyên Quang	5		6.4		6.6	5.7		7.3	3.8	3.8	1.7	3.9	5.8	3.6	6.0	6	Toán, Văn, Công nghệ	
183	Hoàng Văn	Khơi	Điều dưỡng	28/11/2007	Nam	Nùng	Lào Cai	6.8		6.2	6.7	7.2	6.5	7		4.3	6.6	4.5	6.9	6.8	6.8	4.4	6.9	Toán, Sinh, Anh	
184	Giàng Trung	Kiên	Điều dưỡng	16/06/2006	Nam	Mông	Sơn La	6.5	7.8			6.6	7.1		8.7	4.8	2.2	4.8	4.4	6.7	4.5	7.4	7.4	Toán, Văn, Công nghệ	
185	Hoàng Thị	Linh	Điều dưỡng	17/09/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	8.7	8.1	8.3	8.4	8.7	7.7	8.7		8.4	8.5	8.4	8.6	8.4	8.4	5.5	8.6	Toán, Sinh, Anh	
186	Lý Thị Thùy	Linh	Điều dưỡng	10/05/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.8			7.3		7.2		7.9	2.3	4.7	4.7	4.7	4.7	4.7	7.3	7.3	Toán, Văn, Công nghệ	
187	Cao Thùy	Linh	Điều dưỡng	13/12/2007	Nữ	Kinh	Tuyên Quang	5.6				5.3	4.7	7.2	7.6	1.9	1.9	1.9	3.6	5.2	5.8	6.0	6	Toán, Văn, Công nghệ	
188	Hoàng Thị	Na	Điều dưỡng	17/10/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7	6.3	7.2	6.5	5.8	6.9	8.9		6.8	6.9	6.6	6.4	6.6	7.6	4.6	7.6	Toán, Văn, Tin	
189	Vũ Hà	Nam	Điều dưỡng	01/12/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6	8.1			7.6	7.3		8.3	4.7	2.0	4.7	4.5	7.0	4.4	7.2	7.2	Toán, Văn, Công nghệ	
190	Lù Bốn	Nghĩa	Điều dưỡng	18/10/2007	Nam	Nùng	Lào Cai	6			8.4	6.4	5.1		8.7	2.0	4.8	4.8	6.9	5.8	3.7	6.6	6.9	Toán, Sinh, Anh	
191	Ngô Yến	Ngọc	Điều dưỡng	16/03/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	5		6.2		5.3	7.4	8.3		3.7	3.7	1.7	3.4	5.9	6.9	4.1	6.9	Toán, Văn, Tin	
192	Nguyễn Hoàng	Nhật	Điều dưỡng	09/11/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	6.6		7.4			6.6	8.1		4.7	4.7	2.2	2.2	4.4	7.1	4.4	7.1	Toán, Văn, Tin	
193	Nguyễn Thị Tố	Như	Điều dưỡng	25/06/2007	Nữ	Kinh	Hải Phòng	4	7			5.8	6.3		8.4	3.7	1.3	3.7	3.3	5.4	3.4	6.2	6.2	Toán, Văn, Công nghệ	
194	Lý Thị Thư	Phượng	Điều dưỡng	04/03/2007	Nữ	Dao	Lai Châu	7.5	7.6	6.8	8.7	7.6	7.9	7.1		7.3	7.7	7.9	7.9	7.7	7.5	5.1	7.9	Toán, Lý, Sinh	
195	Mùa Tiến	Thành	Điều dưỡng	30/10/2007	Nam	Mông	Sơn La	5.9	7.6			6.7	6.4		8.1	4.5	2.0	4.5	4.2	6.3	4.1	6.8	6.8	Toán, Văn, Công nghệ	
196	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Điều dưỡng	21/01/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.3				8.1	7.3	9.3	8.6	2.1	2.1	2.1	4.8	7.2	7.6	7.4	7.6	Toán, Văn, Tin	
197	Phan Thị Thu	Trang	Điều dưỡng	19/11/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.1		8.1		8.1	8		9.3	5.1	5.1	2.4	5.1	7.7	5.0	8.1	8.1	Toán, Văn, Công nghệ	
198	Trần Kiều	Trinh	Điều dưỡng	06/07/2007	Nữ	Kinh	Tuyên Quang	6.7		7.6		6.8	6.8		7.8	4.8	4.8	2.2	4.5	6.8	4.5	7.1	7.1	Toán, Văn, Công nghệ	
199	Nguyễn Ánh	Tuyết	Điều dưỡng	05/01/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	6.5		8.4	8.1	7.7	7.9			5.0	7.7	4.9	7.4	7.4	4.8	4.8	7.7	Toán, Hóa, Sinh	
200	Lò Thị	Vân	Điều dưỡng	01/10/2007	Nữ	Thái	Sơn La	6	6	6.7	5	5	7		7.2	6.2	5.9	5.7	5.3	6.0	4.3	6.7	6.7	Toán, Văn, Công nghệ	
201	Nguyễn Thị Kiều	Anh	Điều dưỡng	30/10/2006	Nữ	Mường	Hòa Bình	7.4	7.3	7.4	7.9	7.6	7.5	7.8	8.5	7.4	7.6	7.5	7.6	7.5	7.6	7.8	7.8	Toán, Văn, Công nghệ	
202	Lê Ngọc	Ánh	Điều dưỡng	06/11/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.4	8.2	6.6	7.3	6.5	7.5			7.1	6.8	7.3	6.7	6.8	4.6	4.6	7.3	Toán, Lý, Sinh	
203	Đỗ Nữ Thảo	Chân	Điều dưỡng	25/08/2007	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	5.1			8	6.8	6.8		8.3	1.7	4.4	4.4	6.6	6.2	4.0	6.7	6.7	Toán, Văn, Công nghệ	
204	Nguyễn Minh	Chiến	Điều dưỡng	25/07/2007	Nam	Mường	Sơn La	4.5	6.6			4.5	6.2	7.9		3.7	1.5	3.7	3.0	5.1	6.2	3.6	6.2	Toán, Văn, Tin	
205	Nguyễn Doãn	Công	Điều dưỡng	15/04/2005	Nam	Kinh	Phú Thọ	6.8	6.7	7.5	6.4		6.6			7.0	6.9	6.6	4.4	4.5	4.5	4.5	7	Toán, Lý, Hóa	
206	Thào A	Di	Điều dưỡng	18/07/2007	Nam	Mông	Điện Biên	5.3		7.1		6.6	6.9		7.6	4.1	4.1	1.8	4.0	6.3	4.1	6.6	6.6	Toán, Văn, Công nghệ	
207	Lường Duy	Đức	Điều dưỡng	07/02/2007	Nam	Thái	Sơn La	5.6			6.5	7.1	6.3	7.6		1.9	4.0	4.0	6.4	6.3	6.5	4.0	6.5	Toán, Văn, Tin	
208	Đoàn Ngọc	Đức	Điều dưỡng	17/08/2007	Nam	Kinh	Tuyên Quang	5.2				5.2	5.8	6.9	7.2	1.7	1.7	1.7	3.5	5.4	6.0	6.1	6.1	Toán, Văn, Công nghệ	
209	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Điều dưỡng	05/10/2007	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	5.3			5.7	7.3	7.1		8	1.8	3.7	3.7	6.1	6.6	4.1	6.8	6.8	Toán, Văn, Công nghệ	
210	Đặng Khánh	Duy	Điều dưỡng	26/04/2007	Nam	Tày	Hà Giang	7.4	7.4	6.8	8	7.7	7	8		7.2	7.4	7.6	7.7	7.4	7.5	4.8	7.7	Toán, Sinh, Anh	
211	Nguyễn Phước Minh	Duy	Điều dưỡng	05/05/2004	Nam	Kinh	Phú Thọ	6.6	8.7	7.2	8.1		7.3			7.5	7.3	7.8	4.9	4.6	4.6	4.6	7.8	Toán, Lý, Sinh	
212	Hà Hương	Giang	Điều dưỡng	14/07/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	6.8	7	7.1	7	7.1	7.3	8.5		7.0	7.0	6.9	7.0	7.1	7.5	4.7	7.5	Toán, Văn, Tin	
213	Ma Thị Mai	Giang	Điều dưỡng	11/10/2004	Nữ	Tày	Tuyên Quang	5.9	6.3	5.8	6.1	6.1	6.8	6.1	7.1	6.0	5.9	6.1	6.0	6.3	6.3	6.6	6.6	Toán, Văn, Công nghệ	

Scanned with CamScanner

STT	Họ và đệm	Tên	Ngành đào tạo	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Anh	Văn	Tin	CN	TỔ HỢP XÉT TUYỂN							Điểm Tổ hợp Trúng tuyển	Tên tổ hợp trúng tuyển	Ghi chú
																Toán, Lý, Hóa	Toán, Hóa, Sinh	Toán, Lý, Sinh	Toán, Sinh, Anh	Toán, Văn, Anh	Toán, Văn, Tin	Toán, Văn, Công nghệ			
214	Nguyễn Đình Hoàng	Hà	Điều dưỡng	22/10/2007	Nam	Mường	Hòa Bình	5.9	6.7		6.1	6.1	5.7	7		6.5	6.3	6.2	6.0	5.9	6.2	3.9	6.5	Toán, Lý, Hóa	
215	Trần Hoàng	Hải	Điều dưỡng	08/08/2007	Nam	Tày	Tuyên Quang	5	5.2		5.9	5.4	4.5			3.4	3.6	5.4	5.4	5.0	3.2	3.2	5.4	Toán, Lý, Sinh	
216	Bàn Thị	Hiền	Điều dưỡng	16/01/2007	Nữ	Dao	Phú Thọ	6.4	6.3	7.5	7.1	7.6	7.8	8		6.7	7.0	6.6	7.0	7.3	7.4	4.7	7.4	Toán, Văn, Tin	
217	Lò Thị	Hường	Điều dưỡng	29/05/2007	Nữ	Thái	Hòa Bình	7			7.3	6.6	7.4	8.3		2.3	4.8	4.8	7.0	7.0	7.6	4.8	7.6	Toán, Văn, Tin	
218	Bùi Ngọc	Kế	Điều dưỡng	01/02/2007	Nam	Mường	Hòa Bình	5.9		7.8		8	6.9		8.1	4.6	4.6	2.0	4.6	6.9	4.3	7.0	7	Toán, Văn, Công nghệ	
219	Nguyễn Thị Diệu	Linh	Điều dưỡng	28/01/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	6.6	7.2			6.8	7		8.4	4.6	2.2	4.6	4.5	6.8	4.5	7.3	7.3	Toán, Văn, Công nghệ	
220	Hoàng Khánh	Linh	Điều dưỡng	27/12/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	5.2		7.3	7.3		5.5		7.2	4.2	6.6	4.2	4.2	3.6	3.6	6.0	6.6	Toán, Hóa, Sinh	
221	Đỗ Phương	Linh	Điều dưỡng	22/01/2007	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	5.5		5.9		5.1	6.6		7.3	3.8	3.8	1.8	3.5	5.7	4.0	6.5	6.5	Toán, Văn, Công nghệ	
222	Trần Hoàng	Long	Điều dưỡng	09/09/2004	Nam	Kinh	Hòa Bình	7.2	7.6	7.8		7.5	7.5	8.2	8.9	7.5	5.0	4.9	4.9	7.4	7.6	7.9	7.9	Toán, Văn, Công nghệ	
223	Bùi Cẩm	Ly	Điều dưỡng	25/12/2007	Nữ	Mường	Ba Vì	6.8		7.1		6	7.3	9.3		4.6	4.6	2.3	4.3	6.7	7.8	4.7	7.8	Toán, Văn, Tin	
224	Nguyễn Hương	Ly	Điều dưỡng	28/01/2007	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	7.1	7.5	7.1	7.3		7.1			7.2	7.2	7.3	4.8	4.7	4.7	4.7	7.3	Toán, Lý, Sinh	
225	Hà Thị	Mai	Điều dưỡng	03/10/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	5	5.1			4.6	6		7.5	3.4	1.7	3.4	3.2	5.2	3.7	6.2	6.2	Toán, Văn, Công nghệ	
226	Nguyễn Thúy	Nga	Điều dưỡng	14/02/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.6				6.1	7.4	8.5	8.8	2.2	2.2	2.2	4.2	6.7	7.5	7.6	7.6	Toán, Văn, Công nghệ	
227	Bùi Thị Bích	Ngọc	Điều dưỡng	19/03/2007	Nữ	Mường	Hòa Bình	5.9			7.3	6.9	8.1		8.5	2.0	4.4	4.4	6.7	7.0	4.7	7.5	7.5	Toán, Văn, Công nghệ	
228	Đinh Thị	Phương	Điều dưỡng	30/01/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.2			8	7.3	7.4	8.2		2.4	5.1	5.1	7.5	7.3	7.6	4.9	7.6	Toán, Văn, Tin	
229	Giang Như	Quỳnh	Điều dưỡng	05/06/2025	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.2				6.5	7.8	8.5	7.9	2.1	2.1	2.1	4.2	6.8	7.5	7.3	7.5	Toán, Văn, Tin	
230	Cầm Minh	Tâm	Điều dưỡng	02/07/2007	Nam	Thái	Sơn La	6.3	6.6			7.9	7.4		6	4.3	2.1	4.3	4.7	7.2	4.6	6.6	7.2	Toán, Văn, Anh	
231	Trần Duy	Thái	Điều dưỡng	13/10/2004	Nam	Kinh	Phú Thọ	6.5	5.5	7.3	6.2	5.4	6.2	7.8	7.5	6.4	6.7	6.1	6.0	6.0	6.8	6.7	6.8	Toán, Văn, Tin	
232	Bùi Anh	Thái	Điều dưỡng	03/05/2007	Nam	Mường	Hòa Bình	6.6	7.8		7.1		7.2	7.7		4.8	4.6	7.2	4.6	4.6	7.2	4.6	7.2	Toán, Lý, Sinh	
233	Nguyễn Quyết	Thắng	Điều dưỡng	22/10/2004	Nam	Mường	Điện Biên	7.1	7	7	7.1		6.3			7.0	7.1	7.1	4.7	4.5	4.5	4.5	7.1	Toán, Hóa, Sinh	
234	Khà Thị Phương	Thảo	Điều dưỡng	16/02/2007	Nữ	Thái	Hòa Bình	6.2			5.7	5.2	5.2	6.9		2.1	4.0	4.0	5.7	5.5	6.1	3.8	6.1	Toán, Văn, Tin	
235	Đinh Thị Hạ	Thương	Điều dưỡng	27/11/2007	Nữ	Mường	Sơn La	6.6	7.3	7.1	6.9	6.9	7.4	8.6		7.0	6.9	6.9	6.8	7.0	7.5	4.7	7.5	Toán, Văn, Tin	
236	Hà Thị Triệu	Vi	Điều dưỡng	27/06/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	6.6	6	7.3	6.9	7.9	7.5	7.9		6.6	6.9	6.5	7.1	7.3	7.3	4.7	7.3	Toán, Văn, Anh	
237	Vũ Hà	Vi	Điều dưỡng	27/09/2007	Nữ	Kinh	Hòa Bình	6.8	7.7			6.4	6.9	8.2		4.8	2.3	4.8	4.4	6.7	7.3	4.6	7.3	Toán, Văn, Tin	
238	Bùi Thị	Yến	Điều dưỡng	09/03/2000	Nữ	Mường	Hòa Bình	8	7.5	7	6.7	6.8	7.2	7.2	7.8	7.5	7.2	7.4	7.2	7.3	7.5	7.7	7.7	Toán, Văn, Công nghệ	
239	Đỗ Nguyễn Tuấn	Anh	Điều dưỡng	27/02/2007	Nam	Mường	Phú Thọ	5.8	6.3	6.1	7.3	6.4	6.1	7.7		6.1	6.4	6.5	6.5	6.1	6.5	4.0	6.5	Toán, Lý, Sinh	
240	Mùa A	Bằng	Điều dưỡng	09/09/2007	Nam	Mông	Sơn La	6.2		6.9			6.4	7.8		4.4	4.4	2.1	2.1	4.2	6.8	4.2	6.8	Toán, Văn, Tin	
241	Hoàng Thị Anh	Đào	Điều dưỡng	14/11/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	5.3	6.6			6.5	7.9		8.4	4.0	1.8	4.0	3.9	6.6	4.4	7.2	7.2	Toán, Văn, Công nghệ	
242	Quàng Thị	Diệp	Điều dưỡng	10/06/2007	Nữ	Thái	Sơn La	6.6				7.1	6.4			2.2	2.2	2.2	4.6	6.7	4.3	4.3	6.7	Toán, Văn, Anh	
243	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	Điều dưỡng	06/10/2007	Nữ	Kinh	Tuyên Quang	5.5	5.7			6	5.9	7.8		3.7	1.8	3.7	3.8	5.8	6.4	3.8	6.4	Toán, Văn, Tin	
244	Đinh Thị Trà	Giang	Điều dưỡng	09/08/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	6.5				7.3	8.1	8.1	8	2.2	2.2	2.2	4.6	7.3	7.6	7.5	7.6	Toán, Văn, Tin	
245	Lò Văn	Hưng	Điều dưỡng	11/09/2007	Nam	Thái	Điện Biên	6.2		5.5		7.2	7.4	7.9	8.5	3.9	3.9	2.1	4.5	6.9	7.2	7.4	7.4	Toán, Văn, Công nghệ	
246	Sùng A	Khua	Điều dưỡng	13/07/2006	Nam	Mông	Yên Bái	6.5	6.5	6.3	6.7	5.9	6	8	8.8	6.4	6.5	6.6	6.4	6.1	6.8	7.1	7.1	Toán, Văn, Công nghệ	
247	Phùng Thị Kim	Linh	Điều dưỡng	02/10/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	6.3				6.4	7.4	8.1	8	2.1	2.1	2.1	4.2	6.7	7.3	7.2	7.3	Toán, Văn, Tin	
248	Tạ Thị Bích	Loan	Điều dưỡng	16/10/2007	Nữ	Tày	Phú Thọ	6.8		7.1		5.9	6.9	7.1	8.5	4.6	4.6	2.3	4.2	6.5	6.9	7.4	7.4	Toán, Văn, Công nghệ	
249	Viên Thị	Luận	Điều dưỡng	16/04/2007	Nữ	Tày	Hà Giang	8.1	8.1	8.3	8.1	7.3	7.3	8.1		8.2	8.2	8.1	7.8	7.6	7.8	5.1	8.2	Toán, Lý, Hóa	
250	Sùng Thị	Nhung	Điều dưỡng	03/08/2006	Nữ	Mông	Yên Bái	6.3	7.2	7.1	8.3		6.6			6.9	7.2	7.3	4.9	4.3	4.3	4.3	7.3	Toán, Lý, Sinh	
251	Quang Lệ	Quyên	Điều dưỡng	06/06/2007	Nữ	Thái	Nghệ An	6.5				7.7	8.1	8.4	8.1	2.2	2.2	2.2	4.7	7.4	7.7	7.6	7.7	Toán, Văn, Tin	
252	Vương Ngọc	Sơn	Điều dưỡng	14/04/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	6.7	9.2	8.7			7.3		9.3	8.2	5.1	5.3	2.2	4.7	4.7	7.8	8.2	Toán, Lý, Hóa	
253	Vi Văn	Tấn	Điều dưỡng	15/01/2007	Nam	Thái	Nghệ An	6.9				6.6	7.4	8	8.2	2.3	2.3	2.3	4.5	7.0	7.4	7.5	7.5	Toán, Văn, Công nghệ	
254	Lê Thị Diệu	Thảo	Điều dưỡng	29/11/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	5	6	5.8	6.8	5.7	6.5	7.7		5.6	5.9	5.9	5.8	5.7	6.4	3.8	6.4	Toán, Văn, Tin	
255	Quang Bích	Thuận	Điều dưỡng	06/01/2007	Nữ	Thái	Nghệ An	8				7.8	8.5	7.9	8.6	2.7	2.7	2.7	5.3	8.1	8.1	8.4	8.4	Toán, Văn, Công nghệ	
256	Trần Thị	Thương	Điều dưỡng	20/01/2007	Nữ	Sán Dìu	Vĩnh Phúc	6.2		6		5.2	7.5		8.3	4.1	4.1	2.1	3.8	6.3	4.6	7.3	7.3	Toán, Văn, Công nghệ	
257	Đinh Thị Thanh	Thúy	Điều dưỡng	23/07/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	5.8	6.7	6.9	7.7	6.7	7.2	8.5		6.5	6.8	6.7	6.7	6.6	7.2	4.3	7.2	Toán, Văn, Tin	

Scanned with CamScanner

STT	Họ và đệm	Tên	Ngành đào tạo	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Anh	Văn	Tin	CN	TỔ HỢP XÉT TUYỂN							Điểm Tổ hợp Trúng tuyển	Tên tổ hợp trúng tuyển	Ghi chú
																Toán, Lý, Hóa	Toán, Hóa, Sinh	Toán, Lý, Sinh	Toán, Sinh, Anh	Toán, Văn, Anh	Toán, Văn, Tin	Toán, Văn, Công nghệ			
258	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Điều dưỡng	06/05/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.1				7.2	8.4	8.7	8	2.0	2.0	2.0	4.4	7.2	7.7	7.5	7.7	Toán, Văn, Tin	
259	Hoàng Thị Thu	Thủy	Điều dưỡng	18/07/2001	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.4	7.7	7.5	7.5	6.4	7.3	8	8.4	7.2	7.1	7.2	6.8	6.7	7.2	7.4	7.4	Toán, Văn, Công nghệ	
260	Nguyễn Khánh	Toàn	Điều dưỡng	15/11/2005	Nam	Kinh	Phú Thọ	7.4	7.1	6.7	5.8	7.1	7		9.1	7.1	6.6	6.8	6.8	7.2	4.8	7.8	7.8	Toán, Văn, Công nghệ	
261	Bùi Thị Huyền	Trang	Điều dưỡng	21/11/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.6				8.1	6.7	8.8	9	2.5	2.5	2.5	5.2	7.5	7.7	7.8	7.8	Toán, Văn, Công nghệ	
262	Vương Xuân	Trường	Điều dưỡng	14/04/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	7	8.2	7.8			7.7		8.9	7.7	4.9	5.1	2.3	4.9	4.9	7.9	7.9	Toán, Văn, Công nghệ	
263	Phùng Thị Hải	Yến	Điều dưỡng	03/03/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	6.5		6.6		5.5	6.3		8.4	4.4	4.4	2.2	4.0	6.1	4.3	7.1	7.1	Toán, Văn, Công nghệ	
264	Đỗ Công	Anh	Điều dưỡng	09/05/2007	Nam	Kinh	Hưng Yên	7.5	8.9		8.4	7.7	7.8			5.5	5.3	8.3	7.9	7.7	5.1	5.1	8.3	Toán, Lý, Sinh	
265	Vũ Đình Tuấn	Anh	Điều dưỡng	28/10/2003	Nam	Tày	Tuyên Quang	5.3	5	5.4	6.6	5.9	6.5	7.7	7.5	5.2	5.8	5.6	5.9	5.9	6.5	6.4	6.5	Toán, Văn, Tin	
266	Đặng Thị Hà	Anh	Điều dưỡng	27/03/2007	Nữ	Dao	Sơn La	7		7.1		7.9	5.7	7.6		4.7	2.4	2.3	0.0	2.6	4.5	5.2	5.2	Toán, Văn, Công nghệ	
267	Hà Thanh	Bình	Điều dưỡng	30/12/2007	Nam	Mường	Phú Thọ	6.1	6.3	6.4	7	6.4	5.8	8		6.3	6.5	6.5	6.5	6.1	6.6	4.0	6.6	Toán, Văn, Tin	
268	Đinh Ngọc Minh	Châu	Điều dưỡng	08/11/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.1				7.2	7.6	8.4	9.1	2.4	2.4	2.4	4.8	7.3	7.7	7.9	7.9	Toán, Văn, Công nghệ	
269	Lương Yến	Chi	Điều dưỡng	13/04/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	5.9				6.2	6	6.6	8.9	2.0	2.0	2.0	4.0	6.0	6.2	6.9	6.9	Toán, Văn, Công nghệ	
270	Thào Thị	Chua	Điều dưỡng	09/04/2007	Nữ	Mông	Yên Bái	5.8	5.1			5.4	7.3		7.3	3.6	1.9	3.6	3.7	6.2	4.4	6.8	6.8	Toán, Văn, Công nghệ	
271	Lý Thị	Dân	Điều dưỡng	02/12/2007	Nữ	Dao	Yên Bái	6.8		7.3		6.9	7.4		8.8	4.7	4.7	2.3	4.6	7.0	4.7	7.7	7.7	Toán, Văn, Công nghệ	
272	Nguyễn Mạnh	Dũng	Điều dưỡng	03/06/2007	Nam	Mường	Phú Thọ	6.5				6.4	6	6.9	7.5	2.2	2.2	2.2	4.3	6.3	6.5	6.7	6.7	Toán, Văn, Công nghệ	
273	Hà Lê Đăng	Dương	Điều dưỡng	04/12/2007	Nam	Kinh	Tuyên Quang	6.7	5.9			7.9	7	7.5		4.2	2.2	4.2	4.9	7.2	7.1	4.6	7.2	Toán, Văn, Anh	
274	Mùi Thị	Hiền	Điều dưỡng	27/11/2007	Nữ	Mường	Sơn La	6.2			7.4		6.1	7.9		2.1	4.5	4.5	4.5	4.1	6.7	4.1	6.7	Toán, Văn, Tin	
275	Trương Thị	Hiền	Điều dưỡng	10/09/2007	Nữ	Dao	Tuyên Quang	7.1				6.3	6.7	8.5	7.4	2.4	2.4	2.4	4.5	6.7	7.4	7.1	7.4	Toán, Văn, Tin	
276	Lê Thúy	Hiền	Điều dưỡng	25/09/2007	Nữ	Kinh	Hà giang	7	6.5	7.2	7.2	6.8	7.1		7.8	6.9	7.1	6.9	7.0	7.0	4.7	7.3	7.3	Toán, Văn, Công nghệ	
277	Lý Thị	Hồng	Điều dưỡng	25/04/2007	Nữ	Dao	Sơn La	5.7		7.1		6.2	6.3	8.3		4.3	4.3	1.9	4.0	6.1	6.8	4.0	6.8	Toán, Văn, Công nghệ	
278	Nguyễn Văn	Khải	Điều dưỡng	24/01/2007	Nam	Kinh	Tuyên Quang	5.5	6.8	6.5	6	5.8	6.3	7.5		6.3	6.0	6.1	5.8	5.9	6.4	3.9	6.4	Toán, Văn, Tin	
279	Hà Mai	Loan	Điều dưỡng	16/12/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	6.5	7.8	8.3	8.3		7.2			7.5	7.7	7.5	4.9	4.6	4.6	4.6	7.7	Toán, Hóa, Sinh	
280	Hoàng Thị Thảo	Ly	Điều dưỡng	14/11/2007	Nữ	Tày	Tuyên Quang	7.7	8.2			8	7.8			5.3	2.6	5.3	5.2	7.8	5.2	5.2	7.8	Toán, Văn, Anh	
281	Đinh Công	Mạnh	Điều dưỡng	08/06/2007	Nam	Mường	Phú Thọ	5.4	7.4			6.7	7		7.6	4.3	1.8	4.3	4.0	6.4	4.1	6.7	6.7	Toán, Văn, Công nghệ	
282	Hoàng Thúy	Ngọc	Điều dưỡng	14/03/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.5	7.8		8.1		6.1			5.1	5.2	7.8	5.2	4.5	4.5	4.5	7.8	Toán, Lý, Sinh	
283	Lò Văn	Nguyên	Điều dưỡng	05/03/2007	Nam	Thái	Sơn La	5.4				5.9	6.1			1.8	1.8	1.8	3.8	5.8	3.8	3.8	5.8	Toán, Văn, Anh	
284	Giàng Thị Minh	Nguyệt	Điều dưỡng	02/08/2007	Nữ	Mông	Lào Cai	6.2	7.2			6.9	8.2		8.1	4.5	2.1	4.5	4.4	7.1	4.8	7.5	7.5	Toán, Văn, Công nghệ	
285	Lý Thị	Phua	Điều dưỡng	26/03/2007	Nữ	Mông	Lai Châu	8	7.2	7.2	7.3	7.6	7.7		7.8	7.5	7.5	7.5	7.6	7.8	5.2	7.8	7.8	Toán, Văn, Anh	
286	Pờ Bình	Phương	Điều dưỡng	11/08/2007	Nam	Hà Nhì	Lai Châu	5.5	7.5			6.3	8	8.3		4.3	1.8	4.3	3.9	6.6	7.3	4.5	7.3	Toán, Văn, Tin	
287	Nguyễn Đức	Quế	Điều dưỡng	23/06/2007	Nam	Mường	Phú Thọ	4.8	7.3			6.1	6.3		8.3	4.0	1.6	4.0	3.6	5.7	3.7	6.5	6.5	Toán, Văn, Công nghệ	
288	Đoàn Đức	Tài	Điều dưỡng	30/05/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	4.7	7	7.7	7.8		4.7			6.5	6.7	6.5	4.2	3.1	3.1	3.1	6.7	Toán, Hóa, Sinh	
289	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Điều dưỡng	08/11/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.5			8.2		6.7			2.5	5.2	5.2	5.2	4.7	4.7	4.7	5.2	Toán, Hóa, Sinh	
290	Nguyễn Thu	Trang	Điều dưỡng	13/02/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	5.1				5.1	6.3	7.4	8.4	1.7	1.7	1.7	3.4	5.5	6.3	6.6	6.6	Toán, Văn, Công nghệ	
291	Lý Lý	Tư	Điều dưỡng	03/05/2007	Nam	Hà Nhì	Lai Châu	6.5			7	6	6		7.8	2.2	4.5	4.5	6.5	6.2	4.2	6.8	6.8	Toán, Văn, Công nghệ	
292	Đinh Thị Cẩm	Vân	Điều dưỡng	11/01/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	5.3				6.5	7.3	8.6	8	1.8	1.8	1.8	3.9	6.4	7.1	6.9	7.1	Toán, Văn, Tin	
293	Hờ A	Sàng	Điều dưỡng	02/11/2007	Nam	Mông	Yên Bái	6.4	6.5			6.5	7.2		7.3	4.3	2.1	4.3	4.3	6.7	4.5	7.0	7	Toán, Văn, Công nghệ	
294	Trang A	Lồng	Điều dưỡng	16/08/2007	Nam	Mông	Yên Bái	6.3	5.9	6.4	7.6	6.1	7.2	7.6		6.2	6.8	6.6	6.7	6.5	7.0	4.5	7	Toán, Văn, Tin	
295	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Điều dưỡng	05/10/2007	Nữ	Kinh	Yên Bái	7.6			8.2	7.8	8.3		8.5	2.5	5.3	5.3	7.9	7.9	5.3	8.1	8.1	Toán, Văn, Công nghệ	
296	Nguyễn Hồng	Sơn	Điều dưỡng	14/10/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	7.3			8.3	6.7	7.2	7.7		2.4	5.2	5.2	7.4	7.1	7.4	4.8	7.4	Toán, Sinh, Anh	
297	Lương Huyền	Thương	Điều dưỡng	19/08/2007	Nữ	Cao Lan	Tuyên Quang	6.1	7.8	7.2	6.8	6.8	5.8	7.5		7.0	6.7	6.9	6.6	6.2	6.5	4.0	7	Toán, Lý, Hóa	
298	Lù Thị	Tươi	Điều dưỡng	15/01/2007	Nữ	Thái	Lai Châu	6				6.9	7.2	6.9	8.5	2.0	2.0	2.0	4.3	6.7	6.7	7.2	7.2	Toán, Văn, Công nghệ	
299	Trương Yến	Nhi	Điều dưỡng	15/09/2007	Nữ	Kinh	Điện Biên	9.3	8.3	8.4	8.1	7.5	8.2	8.4		8.7	8.6	8.6	8.3	8.3	8.6	5.8	8.7	Toán, Lý, Hóa	
300	Nguyễn Anh	Thư	Điều dưỡng	17/07/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	5.5				8.8	7.1	8.1	8.6	1.8	1.8	1.8	4.8	7.1	6.9	7.1	7.1	Toán, Văn, Anh	
301	Đinh Minh	Nhật	Điều dưỡng	13/08/2000	Nam	Kinh	Đà Nẵng	7.2	7.6	7.1	7.2	5.5	6	7	7.9	7.3	7.2	7.3	6.6	6.2	6.7	7.0	7.3	Toán, Lý, Hóa	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ PHÚ THỌ

Scanned with CamScanner

STT	Họ và đệm	Tên	Ngành đào tạo	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Anh	Văn	Tin	CN	TỔ HỢP XÉT TUYỂN							Điểm Tổ hợp Trúng tuyển	Tên tổ hợp trúng tuyển	Ghi chú
																Toán, Lý, Hóa	Toán, Hóa, Sinh	Toán, Lý, Sinh	Toán, Sinh, Anh	Toán, Văn, Anh	Toán, Văn, Tin	Toán, Văn, Công nghệ			
302	Hà Thị Thu	Hiền	Điều dưỡng	26/04/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.2				6.2	6.8	7.6	7.9	2.1	2.1	2.1	4.1	6.4	6.9	7.0	7	Toán, Văn, Công nghệ	
303	Nguyễn Anh	Thư	Điều dưỡng	19/07/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.9				9.4	7.9	9.8	9.8	2.6	2.6	2.6	5.8	8.4	8.5	8.5	8.5	Toán, Văn, Tin	
304	Nguyễn Thúy	Hằng	Điều dưỡng	15/05/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.2				8.8	7.7	8.5	9.2	2.4	2.4	2.4	5.3	7.9	7.8	8.0	8	Toán, Văn, Công nghệ	
305	Trương Minh	Ánh	Điều dưỡng	30/07/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.7				7.6	8.1	8.8	8.7	2.6	2.6	2.6	5.1	7.8	8.2	8.2	8.2	Toán, Văn, Tin	
306	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Điều dưỡng	29/09/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.5				7.5	8	8.9	8.7	2.5	2.5	2.5	5.0	7.7	8.1	8.1	8.1	Toán, Văn, Tin	
307	Trần Đức	Anh	Điều dưỡng	21/05/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	7.8	9.6			9.6	7.8		9.7	5.8	2.6	5.8	5.8	8.4	5.2	8.4	8.4	Toán, Văn, Anh	
308	Nguyễn Khánh	Duy	Điều dưỡng	08/09/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	8.1	6.8			7.3	7.2		8.4	5.0	2.7	5.0	5.1	7.5	5.1	7.9	7.9	Toán, Văn, Công nghệ	
309	Trần Quốc	Việt	Điều dưỡng	13/03/2007	Nam	Kinh	Hưng Yên	8.5	7.7	5.2		8	6.8	8.5		7.1	4.6	5.4	5.5	7.8	7.9	5.1	7.9	Toán, Văn, Tin	
310	Nguyễn Thị Châm	Anh	Dược	24/06/2007	Nữ	Kinh	Tuyên Quang	6.3		7.5		6.7	6		7.1	4.6	4.6	2.1	4.3	6.3	4.1	6.5	6.5	Toán, Văn, Công nghệ	
311	Hoàng Việt	Anh	Dược	12/01/2007	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	7.8	7.8	8.3	8.5		7.9			8.0	8.2	8.0	5.4	5.2	5.2	5.2	8.2	Toán, Hóa, Sinh	
312	Nguyễn Thị Diệu	Châu	Dược	27/04/2006	Nữ	Dao	Tuyên Quang	5.1	6.5	7.4	7.4	6.5	6		8.1	6.3	6.6	6.3	6.3	5.9	3.7	6.4	6.6	Toán, Hóa, Sinh	
313	Ma Thị	Hà	Dược	25/07/2007	Nữ	Tày	Tuyên Quang	6.2		6.6		5.3	7.3			4.3	4.3	2.1	3.8	6.3	4.5	4.5	6.3	Toán, Văn, Anh	
314	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	Dược	23/11/2007	Nữ	Mường	Hòa Bình	6.5	7.8			6	6.1	7.7		4.8	2.2	4.8	4.2	6.2	6.8	4.2	6.8	Toán, Văn, Tin	
315	Sái Thị Huyền	Hậu	Dược	17/08/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.4	8	7.6	8.9					7.7	8.0	8.1	5.4	2.5	2.5	2.5	8.1	Toán, Lý, Sinh	
316	Phạm Cao Thanh	Huyền	Dược	18/02/2007	Nữ	Kinh	Hàn Quốc	7.3	9.2	7.4	9.1					8.0	7.9	8.5	5.5	2.4	2.4	2.4	8.5	Toán, Lý, Sinh	
317	Hoàng Thanh	Lam	Dược	06/01/2007	Nữ	Tày	Hà Giang	5.6	7.1			6.5	6.5		7.7	4.2	1.9	4.2	4.0	6.2	4.0	6.6	6.6	Toán, Văn, Công nghệ	
318	Nguyễn Thị Hồng	Liên	Dược	19/02/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.9				6.9	8.3	8.3	9.1	2.6	2.6	2.6	4.9	7.7	8.2	8.4	8.4	Toán, Văn, Công nghệ	
319	Đặng Kiều	Linh	Dược	09/09/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	5.1	6.6			6.6	7.4		8.6	3.9	1.7	3.9	3.9	6.4	4.2	7.0	7	Toán, Văn, Công nghệ	
320	Phạm Thanh	Loan	Dược	30/11/2003	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.2	8	7.7	8.2	6.3	7.6	9	9	7.6	7.7	7.8	7.2	7.0	7.9	7.9	7.9	Toán, Văn, Tin	
321	Nguyễn Thị Trà	My	Dược	18/09/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.4				6	6.5	9.5	8.6	2.5	2.5	2.5	4.5	6.6	7.8	7.5	7.8	Toán, Văn, Tin	
322	Vi Thị	Nga	Dược	16/12/2007	Nữ	Thái	Nghệ An	6.9	7.5	7.7	6.9	7.7	7.8		8.8	7.4	7.2	7.1	7.2	7.5	4.9	7.8	7.8	Toán, Văn, Công nghệ	
323	Trần Thị Hồng	Ngọc	Dược	14/06/2006	Nữ	Kinh	Tuyên Quang	6.9	7.2	8	7.9		7.1			7.4	7.6	7.3	4.9	4.7	4.7	4.7	7.6	Toán, Hóa, Sinh	
324	Nông Bảo	Ngọc	Dược	25/12/2007	Nữ	Tày	Cao Bằng	6.2	7.1	5.5	7.2	6.8	7.1	7.7		6.3	6.3	6.8	6.7	6.7	7.0	4.4	7	Toán, Văn, Tin	
325	Dương Ánh	Ngọc	Dược	28/07/2007	Nữ	Dao	Tuyên Quang	7.4				8.1	7.5	8.9	8.9	2.5	2.5	2.5	5.2	7.7	7.9	7.9	7.9	Toán, Văn, Tin	
326	Bùi Thị	Ngư	Dược	06/10/2005	Nữ	Mường	Phú Thọ	5.3	6.4	7	7.2	5.3	7.2	7	8.7	6.2	6.5	6.3	5.9	5.9	6.5	7.1	7.1	Toán, Văn, Công nghệ	
327	Kiều Thị	Nguyệt	Dược	05/07/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.8	8	8.4	7.7	7.6	8.2	8.8		8.1	8.0	7.8	7.7	7.9	8.3	5.3	8.3	Toán, Văn, Tin	
328	Hoàng Như	Nguyệt	Dược	31/05/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	6.2	6.7			7	8		8.7	4.3	2.1	4.3	4.4	7.1	4.7	7.6	7.6	Toán, Văn, Công nghệ	
329	Chu Khù	Pa	Dược	15/09/2006	Nữ	Hà Nhì	Lai Châu	6.8	7.2	7.5	7.5	6.1	6.5	8.3	7.7	7.2	7.3	7.2	6.8	6.5	7.2	7.0	7.3	Toán, Hóa, Sinh	
330	Nguyễn Thiên	Phúc	Dược	18/09/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	6		6.2	6.3		6.3		7.2	4.1	6.2	4.1	4.1	4.1	4.1	6.5	6.5	Toán, Văn, Công nghệ	
331	Đinh Thị Minh	Phương	Dược	10/12/2007	Nữ	Kinh	Yên Bái	7.3		7.1		6.1	6.5		8.7	4.8	4.8	2.4	4.5	6.6	4.6	7.5	7.5	Toán, Văn, Công nghệ	
332	Lý Thị	Phượng	Dược	06/10/2006	Nữ	Mông	Cao Bằng	6.5	7.6	6.7	7.7	6.2	7.5	8.2	7.2	6.9	7.0	7.3	6.8	6.7	7.4	7.1	7.4	Toán, Văn, Tin	
333	Nguyễn Huyền	Trang	Dược	19/07/2007	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	6.8			7.8	6.6	7.5		8.2	2.3	4.9	4.9	7.1	7.0	4.8	7.5	7.5	Toán, Văn, Công nghệ	
334	Bàn Văn	Tuấn	Dược	20/01/2007	Nam	Dao	Hà Giang	5.9			6.8	5.7	6.4	7.5		2.0	4.2	4.2	6.1	6.0	6.6	4.1	6.6	Toán, Văn, Tin	
335	Trần Hải	Yến	Dược	10/11/2007	Nữ	Sán Dìu	Vĩnh Phúc	6.7	7.5	8	7.8		7.6			7.4	7.5	7.3	4.8	4.8	4.8	4.8	7.5	Toán, Hóa, Sinh	
336	Hà Tuấn	Anh	Dược	18/04/2007	Nam	Mường	Phú Thọ	6				5.5	6.4		7.8	2.0	2.0	2.0	3.8	6.0	4.1	6.7	6.7	Toán, Văn, Công nghệ	
337	Hoàng Thị Ngọc	Anh	Dược	15/07/2007	Nam	Mường	Phú Thọ	5.8	6.6			6.6	7.6		8.5	4.1	1.9	4.1	4.1	6.7	4.5	7.3	7.3	Toán, Văn, Công nghệ	
338	Giàng Mai	Chú	Dược	28/03/2006	Nữ	Mông	Hà Giang	8	8.3	7.2	8.5	7.1	8	7.6	8.4	7.8	7.9	8.3	7.9	7.7	7.9	8.1	8.3	Toán, Lý, Sinh	
339	Thào Mí	Dinh	Dược	06/07/2007	Nam	Mông	Hà Giang	6.6			7.6	7	7.1	8.2		2.2	4.7	4.7	7.1	6.9	7.3	4.6	7.3	Toán, Văn, Tin	
340	Phạm Xuân	Dũng	Dược	18/01/2003	Nam	Kinh	Hòa Bình	6.2	5	5.8	6.2	5.7	6.4	7.8	7.5	5.7	6.1	5.8	6.0	6.1	6.8	6.7	6.8	Toán, Văn, Tin	
341	Hoàng Văn	Duy	Dược	06/09/2007	Nam	Tày	Yên Bái	6.4			8.2	6.3	6		8.5	2.1	4.9	4.9	7.0	6.2	4.1	7.0	7	Toán, Sinh, Anh	
342	Trần Thị Thu	Hương	Dược	21/07/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	8.3	8.2	8.2	9.1	7.3	8.3	8.1		8.2	8.5	8.5	8.2	8.0	8.2	5.5	8.5	Toán, Hóa, Sinh	
343	Hà Thanh	Huy	Dược	22/07/2007	Nam	Mường	Phú Thọ	6	8	8.5	8.1		6.8			7.5	7.5	7.4	4.7	4.3	4.3	4.3	7.5	Toán, Lý, Hóa	
344	Nguyễn Minh	Khang	Dược	06/06/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	6.3	7.2	8.7	8.7	7.8	6.3	8.6		7.4	7.9	7.4	7.6	6.8	7.1	4.2	7.9	Toán, Hóa, Sinh	
345	Thào Hồng	Kia	Dược	03/12/2007	Nữ	Mông	Điện Biên	7.5				7	7.5	7.9	7.8	2.5	2.5	2.5	4.8	7.3	7.6	7.6	7.6	Toán, Văn, Tin	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ PHÚ THỌ

Scanned with CamScanner

STT	Họ và đệm	Tên	Ngành đào tạo	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Anh	Văn	Tin	CN	TỔ HỢP XÉT TUYỂN							Điểm Tổ hợp Trúng tuyển	Tên tổ hợp trúng tuyển	Ghi chú
																Toán, Lý, Hóa	Toán, Hóa, Sinh	Toán, Lý, Sinh	Toán, Sinh, Anh	Toán, Văn, Anh	Toán, Văn, Tin	Toán, Văn, Công nghệ			
346	Hoàng Phương	Linh	Dược	26/04/2007	Nữ	Mường	Yên Bái	6		6.5		6.6	7.3		8.9	4.2	4.2	2.0	4.2	6.6	4.4	7.4	7.4	Toán, Văn, Công nghệ	
347	Nguyễn Phương	Linh	Dược	19/07/2006	Nữ	Kinh	Tuyên Quang	6.5	5.8	7	7.4	7	6.4	8.3	9	6.4	7.0	6.6	7.0	6.6	7.1	7.3	7.3	Toán, Văn, Công nghệ	
348	Nguyễn Thị Kim	Loan	Dược	20/02/2007	Nữ	Mường	Hòa Bình	8.5	8.4	8.6		7	6.9	9.4		8.5	5.7	5.6	5.2	7.5	8.3	5.1	8.5	Toán, Lý, Hóa	
349	Hà Lê Thanh	Mai	Dược	28/04/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	5.7	8.5	7.5			6.9	8.2		7.2	4.4	4.7	1.9	4.2	6.9	4.2	7.2	Toán, Lý, Hóa	
350	Sầm Thị Quỳnh	Mai	Dược	28/09/2000	Nữ	Mường	Hòa Bình	6.5	5.9	6.2	7.1	6.6	5.9	8.3	7.6	6.2	6.6	6.5	6.7	6.3	6.9	6.7	6.9	Toán, Văn, Tin	
351	Hàng Thị	May	Dược	02/08/2007	Nữ	Mông	Lào Cai	5.8	7.8			7.6	7.6	8.6		4.5	1.9	4.5	4.5	7.0	7.3	4.5	7.3	Toán, Văn, Tin	
352	Đinh Hà	Nam	Dược	03/03/2007	Nam	Mường	Sơn La	6.8	7.7	6.7	6.7	6.1	6.7			7.1	6.7	7.1	6.5	6.5	4.5	4.5	7.1	Toán, Lý, Hóa	
353	Phùng Thị	Ngọc	Dược	24/04/2007	Nữ	Kinh	Yên Bái	7.8			7.5	7.1	6.3			2.6	5.1	5.1	7.5	7.1	4.7	4.7	7.5	Toán, Sinh, Anh	
354	Thào A	Nhè	Dược	06/10/2007	Nam	Mông	Điện Biên	5.8		6.3		5.4	6.2		7.7	4.0	4.0	1.9	3.7	5.8	4.0	6.6	6.6	Toán, Văn, Công nghệ	
355	Triệu Thị Thanh	Như	Dược	17/02/2007	Nữ	Dao	Hòa Bình	7.1	8.2			7.3	8.2	8.3		5.1	2.4	5.1	4.8	7.5	7.9	5.1	7.9	Toán, Văn, Tin	
356	Đặng Kiều	Oanh	Dược	23/06/2007	Nữ	Dao	Hà Giang	6.4			6.3	5.6	7	8.3		2.1	4.2	4.2	6.1	6.3	7.2	4.5	7.2	Toán, Văn, Tin	
357	Đỗ Thu	Phương	Dược	20/04/2005	Nữ	Kinh	Hòa Bình	5.1	6.5	7	6.4		5.3			6.2	6.2	6.0	3.8	3.5	3.5	3.5	6.2	Toán, Lý, Hóa	
358	Nguyễn Phương	Phương	Dược	10/09/2003	Nữ	Mường	Hòa Bình	7.5	8	6.8	7.8	7.8	6.4	8.6	9	7.4	7.4	7.8	7.7	7.2	7.5	7.6	7.8	Toán, Lý, Sinh	
359	Hà Anh	Quang	Dược	24/05/2007	Nam	Tày	Hòa Bình	5.8	7.5	8.4	7.9	7.2	5.8			7.2	7.4	7.1	7.0	6.3	3.9	3.9	7.4	Toán, Hóa, Sinh	
360	Cứ Thị Mễ	Sài	Dược	17/07/2007	Nữ	Mông	Yên Bái	6.7		6.6	7.6	7.3	6.7		7.7	4.4	7.0	4.8	7.2	6.9	4.5	7.0	7.2	Toán, Sinh, Anh	
361	Lù Thị	Sênh	Dược	04/06/2007	Nữ	Mông	Điện Biên	6.3				6.7	6.7	7.4	7.7	2.1	2.1	2.1	4.3	6.6	6.8	6.9	6.9	Toán, Văn, Công nghệ	
362	Nguyễn Chiến	Thắng	Dược	11/10/2007	Nam	Mường	Hòa Bình	5.2	6.6			7	6.3	7.6		3.9	1.7	3.9	4.1	6.2	6.4	3.8	6.4	Toán, Văn, Tin	
363	Bùi Hoàng	Thanh	Dược	19/10/2007	Nữ	Mường	Thanh Hóa	5.3	5.8			5.3	6.2		7.4	3.7	1.8	3.7	3.5	5.6	3.8	6.3	6.3	Toán, Văn, Công nghệ	
364	Lương Thu	Thảo	Dược	25/06/2007	Nữ	Tày	Vĩnh Phúc	6.7	6.5			7.5	6.6		8.1	4.4	2.2	4.4	4.7	6.9	4.4	7.1	7.1	Toán, Văn, Công nghệ	
365	Bùi Thị Minh	Thư	Dược	01/12/2006	Nữ	Mường	Hòa Bình	7.7	7.3		8.3	7.6	7.7		9.1	5.0	5.3	7.8	7.9	7.7	5.1	8.2	8.2	Toán, Văn, Công nghệ	
366	Hứa Thị Minh	Thư	Dược	27/10/2006	Nữ	Tày	Yên Bái	6.9	7	7.2	7.5	5.8	7.1	8.5	6.8	7.0	7.2	7.1	6.7	6.6	7.5	6.9	7.5	Toán, Văn, Tin	
367	Nguyễn Anh	Thư	Dược	16/04/2005	Nữ	Mường	Hòa Bình	5.6	6.5	6.5	7.2		6.1			6.2	6.4	6.4	4.3	3.9	3.9	3.9	6.4	Toán, Hóa, Sinh	
368	Cáo Thị	Thúy	Dược	16/10/2007	Nữ	Cờ lao	Hà Giang	7.6			6.5	6.6	7.2	8.6		2.5	4.7	4.7	6.9	7.1	7.8	4.9	7.8	Toán, Văn, Tin	
369	Lý Bá	Tính	Dược	07/07/2007	Nam	Mông	Nghệ An	5.3	7.3	7.3	6.7	7.6	6.9	7.5		6.6	6.4	6.4	6.5	6.6	6.6	4.1	6.6	Toán, Lý, Hóa	
370	Ma Thị Thu	Trang	Dược	10/09/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	5.8		8.4		7.4	6.9		8.8	4.7	4.7	1.9	4.4	6.7	4.2	7.2	7.2	Toán, Văn, Công nghệ	
371	Goàng Sín	Trang	Dược	03/07/2007	Nữ	Phu Lá	Lào Cai	6.6			8.1	7.3	6.9		8.4	2.2	4.9	4.9	7.3	6.9	4.5	7.3	7.3	Toán, Sinh, Anh	
372	Sùng Thị	Và	Dược	13/05/2007	Nữ	Mông	Hà Giang	6.1	5.7		6	6	7.4			3.9	4.0	5.9	6.0	6.5	4.5	4.5	6.5	Toán, Văn, Anh	
373	Khà Phương	Vi	Dược	21/03/2007	Nữ	Thái	Hòa Bình	6.6	7.2	7.1	7.2	7.1	6.4	7.5		7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	6.8	4.3	7	Toán, Lý, Hóa	
374	Hà Thị	Xuân	Dược	07/07/2007	Nữ	Thái	Sơn La	7.2	6.9	7.8	7	7	6.7	8.7		7.3	7.3	7.0	7.1	7.0	7.5	4.6	7.5	Toán, Văn, Tin	
375	Trần Thị Lan	Anh	Dược	25/12/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	8	8.4	8.7	7.5	7.8	7.7	8.8		8.4	8.1	8.0	7.8	7.8	8.2	5.2	8.4	Toán, Lý, Hóa	
376	Phạm Quỳnh	Chang	Dược	09/03/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	8.4	8.4	9	8.8	7	8.4	9.1		8.6	8.7	8.5	8.1	7.9	8.6	5.6	8.7	Toán, Hóa, Sinh	
377	Phàn Thị	Đanh	Dược	18/04/2007	Nữ	Dao	Điện Biên	7.2	7.9	7.8	7.9	7.8	8.5			7.6	7.6	7.7	7.6	7.8	5.2	5.2	7.8	Toán, Văn, Anh	
378	Trần Tiến	Đạt	Dược	03/12/2007	Nam	Kinh	Yên Bái	6.5	7	7.6	8	7.5	7.6			7.0	7.4	7.2	7.3	7.2	4.7	4.7	7.4	Toán, Hóa, Sinh	
379	Lý Thị	Diễm	Dược	02/10/2007	Nữ	Dao	Sơn La	5.8				6.9	6.8	8	7.5	1.9	1.9	1.9	4.2	6.5	6.9	6.7	6.9	Toán, Văn, Tin	
380	Sùng Thị	Dinh	Dược	25/10/2007	Nữ	Mông	Điện Biên	6.7		7.8		6.9	7.6		8.1	4.8	4.8	2.2	4.5	7.1	4.8	7.5	7.5	Toán, Văn, Công nghệ	
381	Thào Thị	Dủa	Dược	13/06/2006	Nữ	Mông	Sơn La	7.2	7.7	7.7	8.6	5.7	6.8	7.5	8.1	7.5	7.8	7.8	7.2	6.6	7.2	7.4	7.8	Toán, Hóa, Sinh	
382	Bùi Thị Kim	Huệ	Dược	09/09/2007	Nữ	Mường	Hòa Bình	7.3	7.7			6.7	7.7		8	5.0	2.4	5.0	4.7	7.2	5.0	7.7	7.7	Toán, Văn, Công nghệ	
383	Trần Văn	Hưng	Dược	16/11/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	8.2	8	8.9	8.9	7.1	7.2	8.9		8.4	8.7	8.4	8.1	7.5	8.1	5.1	8.7	Toán, Hóa, Sinh	
384	Trần Phương	Linh	Dược	20/11/2007	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	6.5	6.6			7	6.8		8.4	4.4	2.2	4.4	4.5	6.8	4.4	7.2	7.2	Toán, Văn, Công nghệ	
385	Trần Thị Diệu	Linh	Dược	08/09/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.4				6.9	8.4	9	9.4	2.5	2.5	2.5	4.8	7.6	8.3	8.4	8.4	Toán, Văn, Công nghệ	
386	Lê Ngô Minh	Luân	Dược	06/08/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.3				6.4	6.4	8.1	9	2.4	2.4	2.4	4.6	6.7	7.3	7.6	7.6	Toán, Văn, Công nghệ	
387	Nguyễn Hữu	Mạnh	Dược	18/09/2007	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	5.7		7.4			6.1		8.2	4.4	4.4	1.9	1.9	3.9	3.9	6.7	6.7	Toán, Văn, Công nghệ	
388	Trần Anh	Minh	Dược	10/04/2007	Nam	Mường	Phú Thọ	5.5	6.5			7.4	6.4		8	4.0	1.8	4.0	4.3	6.4	4.0	6.6	6.6	Toán, Văn, Công nghệ	
389	Lò Thái	Nguyên	Dược	27/03/2007	Nam	Thái	Điện Biên	5.8	6.5	7.4	6.1	5.9	6.6	7.8		6.6	6.4	6.1	5.9	6.1	6.7	4.1	6.7	Toán, Văn, Tin	

Scanned with CamScanner

STT	Họ và đệm	Tên	Ngành đào tạo	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Anh	Văn	Tin	CN	TỔ HỢP XÉT TUYỂN							Điểm Tổ hợp Trúng tuyển	Tên tổ hợp trúng tuyển	Ghi chú
																Toán, Lý, Hóa	Toán, Hóa, Sinh	Toán, Lý, Sinh	Toán, Sinh, Anh	Toán, Văn, Anh	Toán, Văn, Tin	Toán, Văn, Công nghệ			
390	Lý Mỳ	Nhừ	Dược	19/11/2006	Nữ	Hà Nhì	Lai Châu	6.8	7	7.5	7.3	4.9	6.7	8.2	8.8	7.0	7.1	6.9	6.2	6.0	7.1	7.3	7.3	Toán, Văn, Công nghệ	
391	Giàng A	Phông	Dược	06/09/2007	Nam	Mông	Điện Biên	6.9	8.1	7.8	7.3	7.1	7.6			7.6	7.3	7.4	7.1	7.2	4.8	4.8	7.6	Toán, Lý, Hóa	
392	Dương Đình	Quang	Dược	18/12/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	6.4	6.5				6.4	8.1		4.3	2.1	4.3	2.1	4.3	7.0	4.3	7	Toán, Văn, Tin	
393	Lò Thị Hồng	Quyên	Dược	24/06/2007	Nữ	Kháng	Lai Châu	6.3	6.2	5.3	6.2	5.9	6	6.8		5.9	5.9	6.2	6.1	6.1	6.4	4.1	6.4	Toán, Văn, Tin	
394	Hàng Thị	Sông	Dược	18/08/2007	Nữ	Mông	Lai Châu	8		7	7.9	7.4	7.1			5.0	7.6	5.3	7.8	7.5	5.0	5.0	7.8	Toán, Sinh, Anh	
395	Thào Thị Mai	Su	Dược	16/06/2007	Nữ	Mông	Sơn La	6				6.8	6.5	7.4	7.6	2.0	2.0	2.0	4.3	6.4	6.6	6.7	6.7	Toán, Văn, Công nghệ	
396	Phạm Thị Thu	Trà	Dược	05/11/2025	Nữ	Mường	Hòa Bình	5.4				6.9	7.3	8.1	8	1.8	1.8	1.8	4.1	6.5	6.9	6.9	6.9	Toán, Văn, Tin	
397	Dương Thị	Trang	Dược	26/11/2007	Nữ	Dao	Phú Thọ	7.2				7	7.1	8.8	7.8	2.4	2.4	2.4	4.7	7.1	7.7	7.4	7.7	Toán, Văn, Tin	
398	Hàng A	Trường	Dược	03/07/2007	Nam	Mông	Lai Châu	7.7	6.6	6.8	8.1	6.5	7.4	7.8		7.0	7.5	7.5	7.4	7.2	7.6	5.0	7.6	Toán, Văn, Tin	
399	Bàn Tường	An	Y sỹ đa khoa	14/12/2005	Nam	Dao	Tuyên Quang	6.3	5.9	5.9	6.3	5.5	6.2		8	6.0	6.2	6.2	6.0	6.0	4.2	6.8	6.8	Toán, Văn, Công nghệ	
400	Phùng Mai	Anh	Y sỹ đa khoa	14/08/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	6.4	6.2			7.5	7.7		7.7	4.2	2.1	4.2	4.6	7.2	4.7	7.3	7.3	Toán, Văn, Công nghệ	
401	Dương Văn	Chân	Y sỹ đa khoa	29/01/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	6.5				6.9	6.7		8.3	2.2	2.2	2.2	4.5	6.7	4.4	7.2	7.2	Toán, Văn, Công nghệ	
402	Hà Quang	Duy	Y sỹ đa khoa	07/12/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	8	8.3	8.4	7.2		6.5	8.6		8.2	7.9	7.8	5.1	4.8	7.7	4.8	8.2	Toán, Lý, Hóa	
403	Nguyễn Ngọc	Hà	Y sỹ đa khoa	26/02/2006	Nam	Kinh	Phú Thọ	6.3	7.1	6.6	7.4					6.7	6.8	6.9	4.6	2.1	2.1	2.1	6.9	Toán, Lý, Sinh	
404	Quan Đình	Hải	Y sỹ đa khoa	02/10/2007	Nam	Tày	Tuyên Quang	5.4	6	7.2	7.4	5.7	6.6	7.4		6.2	6.7	6.3	6.2	5.9	6.5	4.0	6.7	Toán, Hóa, Sinh	
405	Nguyễn Quang	Hào	Y sỹ đa khoa	07/01/1990	Nam	Kinh	Tuyên Quang	5	6	5	6.4					5.3	5.5	5.8	3.8	1.7	1.7	1.7	5.8	Toán, Lý, Sinh	
406	Phan Thị Thu	Hương	Y sỹ đa khoa	21/11/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.5	8			7.2	7.9		9	4.8	2.2	4.8	4.6	7.2	4.8	7.8	7.8	Toán, Văn, Công nghệ	
407	Đinh Quang	Huy	Y sỹ đa khoa	01/01/2007	Nam	Kinh	Tuyên Quang	6.4	7.1			5.5	5.9			4.5	2.1	4.5	4.0	5.9	4.1	4.1	5.9	Toán, Văn, Anh	
408	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Y sỹ đa khoa	22/06/2007	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	6.9		7.1		7.1	6.3			4.7	4.7	2.3	4.7	6.8	4.4	4.4	6.8	Toán, Văn, Anh	
409	Nguyễn Tuyết	Mai	Y sỹ đa khoa	21/02/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.3	8.1	7.3			6.7	7.7		7.6	4.9	5.1	2.4	4.7	7.2	4.7	7.6	Toán, Lý, Hóa	
410	Trần Thị	Mến	Y sỹ đa khoa	07/05/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	6.6				6.6	7.6	8	7.8	2.2	2.2	2.2	4.4	6.9	7.4	7.3	7.4	Toán, Văn, Tin	
411	Đặng Hoài	Nam	Y sỹ đa khoa	23/03/2005	Nam	Tày	Tuyên Quang	5.5	6.5	7	5.9	4.9	6.6	7.9	8.5	6.3	6.1	6.0	5.4	5.7	6.7	6.9	6.9	Toán, Văn, Công nghệ	
412	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Y sỹ đa khoa	11/11/2007	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	7.3	8		7.2		7.3		7.5	5.1	4.8	7.5	4.8	4.9	4.9	7.4	7.5	Toán, Lý, Sinh	
413	Đỗ Trung	Nguyên	Y sỹ đa khoa	27/03/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	7.1	7.1			6.6	6.4		8.2	4.7	2.4	4.7	4.6	6.7	4.5	7.2	7.2	Toán, Văn, Công nghệ	
414	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	Y sỹ đa khoa	24/03/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	5.8				6.8	6.7	7	7.3	1.9	1.9	1.9	4.2	6.4	6.5	6.6	6.6	Toán, Văn, Công nghệ	
415	Nguyễn Thành	Phúc	Y sỹ đa khoa	28/12/2007	Nam	Kinh	TP/ HCM	6.3	8			8.1	6.4		9	4.8	2.1	4.8	4.8	6.9	4.2	7.2	7.2	Toán, Văn, Công nghệ	
416	Vương Hà Quốc	Thắng	Y sỹ đa khoa	09/01/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	7.3		7.1			7.3	8		4.8	4.8	2.4	2.4	4.9	7.5	4.9	7.5	Toán, Văn, Tin	
417	Quan Thị Thu	Thủy	Y sỹ đa khoa	06/11/2007	Nữ	Tày	Tuyên Quang	6	6.2	7.1		6.5	6			6.4	4.4	4.1	4.2	6.2	4.0	4.0	6.4	Toán, Lý, Hóa	
418	Hà Đức	Tuấn	Y sỹ đa khoa	28/12/2007	Nam	Mường	Phú Thọ	5.4	7.9	8.3	8		6.3			7.2	7.2	7.1	4.5	3.9	3.9	3.9	7.2	Toán, Lý, Hóa	
419	Đinh Thị Thu	Uyên	Y sỹ đa khoa	29/09/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	6.3				6.4	6.6	8.2	8.1	2.1	2.1	2.1	4.2	6.4	7.0	7.0	7	Toán, Văn, Tin	
420	Nguyễn Duy	Yên	Y sỹ đa khoa	27/11/2007	Nam	Kinh	Hà Giang	5	0	0	5.1	8.1	6.4	6.4	0	1.7	3.4	3.4	6.1	6.5	5.9	3.8	6.5	Toán, Văn, Anh	
421	Lê Thị Hải	Yến	Y sỹ đa khoa	11/11/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	5.7				7.8	7.1	8.7	8.9	1.9	1.9	1.9	4.5	6.9	7.2	7.2	7.2	Toán, Văn, Tin	
422	Vũ Ngọc	Anh	Y sỹ đa khoa	28/11/2007	Nữ	Kinh	Hà Giang	6.8	6.8	6.6	7.2	6.9	6.7			6.7	6.9	6.9	7.0	6.8	4.5	4.5	7	Toán, Sinh, Anh	
423	Phạm Hồng	Ánh	Y sỹ đa khoa	10/09/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	7.2	7.7			6.7	8.2		8.7	5.0	2.4	5.0	4.6	7.4	5.1	8.0	8	Toán, Văn, Công nghệ	
424	Trần Thị Ngọc	Bích	Y sỹ đa khoa	03/08/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	6.5				7.4	8.5	7.9	8.3	2.2	2.2	2.2	4.6	7.5	7.6	7.8	7.8	Toán, Văn, Công nghệ	
425	Đinh Công	Cường	Y sỹ đa khoa	24/03/2007	Nam	Mường	Phú Thọ	5.3	6.9	6.8	6.5	7.5	6.6	6.6		6.3	6.2	6.2	6.4	6.5	6.2	4.0	6.5	Toán, Văn, Anh	
426	Hà Nhất	Đảng	Y sỹ đa khoa	03/06/2007	Nam	Mường	Phú Thọ	6.8	7	7.4	7.7	7.1	6.9			7.1	7.3	7.2	7.2	6.9	4.6	4.6	7.3	Toán, Hóa, Sinh	
427	Trần Mạnh	Dũng	Y sỹ đa khoa	15/10/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	8				8.5	8	8.8	9.1	2.7	2.7	2.7	5.5	8.2	8.3	8.4	8.4	Toán, Văn, Công nghệ	
428	Hà Thị	Giang	Y sỹ đa khoa	28/02/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	5.9		7.9			6.9		8.8	4.6	4.6	2.0	2.0	4.3	4.3	7.2	7.2	Toán, Văn, Công nghệ	
429	Phạm Trần Thanh	Hiền	Y sỹ đa khoa	14/07/2007	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	7.3	8.5	8.4	8.7		7.9			8.1	8.1	8.2	5.3	5.1	5.1	5.1	8.2	Toán, Lý, Sinh	
430	Nguyễn Minh	Hiếu	Y sỹ đa khoa	06/07/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	6.7		7.8			6.8		8.4	4.8	4.8	2.2	2.2	4.5	4.5	7.3	7.3	Toán, Văn, Công nghệ	
431	Hoàng Thị	Hoa	Y sỹ đa khoa	04/09/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	7	8.3	8	8.2		7			7.8	7.7	7.8	5.1	4.7	4.7	4.7	7.8	Toán, Lý, Hóa	
432	Cầm Khánh	Hưng	Y sỹ đa khoa	30/01/2007	Nam	Thái	Sơn La	5.7	6.6			6.3	6.1		5.9	4.1	1.9	4.1	4.0	6.0	3.9	5.9	6	Toán, Văn, Anh	
433	Nguyễn Văn	Khải	Y sỹ đa khoa	13/12/2007	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	6.3	6.9			6.6	7.7		8.4	4.4	2.1	4.4	4.3	6.9	4.7	7.5	7.5	Toán, Văn, Công nghệ	

Scanned with CamScanner

STT	Họ và đệm	Tên	Ngành đào tạo	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Anh	Văn	Tin	CN	TỔ HỢP XÉT TUYỂN							Điểm Tổ hợp Trúng tuyển	Tên tổ hợp trúng tuyển	Ghi chú
																Toán, Lý, Hóa	Toán, Hóa, Sinh	Toán, Lý, Sinh	Toán, Sinh, Anh	Toán, Văn, Anh	Toán, Văn, Tin	Toán, Văn, Công nghệ			
434	Đỗ Việt Bảo	Long	Y sỹ đa khoa	16/07/2007	Nam	Kinh	Hà Nội	8.6		8.1	7.3	8.2	7.7		8.5	5.6	8.0	5.3	8.0	8.2	5.4	8.3	8.3	Toán, Văn, Công nghệ	
435	Hoàng Thị	Luyện	Y sỹ đa khoa	28/11/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	6.2				6.8	5.8	7.9	8.5	2.1	2.1	2.1	4.3	6.3	6.6	6.8	6.8	Toán, Văn, Công nghệ	
436	Phạm Hoàng Xuân	Mai	Y sỹ đa khoa	16/04/2007	Nữ	Kinh	Tuyên Quang	7		8.1		7.7	8		8.8	5.0	5.0	2.3	4.9	7.6	5.0	7.9	7.9	Toán, Văn, Công nghệ	
437	Ngô Đức	Mạnh	Y sỹ đa khoa	28/01/2007	Nam	Kinh	Nghệ An	8.4		9.5	9.1	8.7	8		8	6.0	9.0	5.8	8.7	8.4	5.5	8.1	9	Toán, Hóa, Sinh	
438	Hà Nhật	Minh	Y sỹ đa khoa	09/02/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	5.7				5.4	5.7	7.2	7	1.9	1.9	1.9	3.7	5.6	6.2	6.1	6.2	Toán, Văn, Tin	
439	Quách Thành	Nam	Y sỹ đa khoa	01/11/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	7			7.9		6.5	8.5		2.3	5.0	5.0	5.0	4.5	7.3	4.5	7.3	Toán, Văn, Tin	
440	Hoàng Minh	Ngọc	Y sỹ đa khoa	03/11/2007	Nam	Tày	Lào Cai	6.7	6.2	6.9	6.2	6.3	7.5	7.5		6.6	6.6	6.4	6.4	6.8	7.2	4.7	7.2	Toán, Văn, Tin	
441	Đỗ Hồng	Quang	Y sỹ đa khoa	26/10/2001	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	6.4	7.6	7.9	7.8	7.9	6.4	9.6	9.7	7.3	7.4	7.3	7.4	6.9	7.5	7.5	7.5	Toán, Văn, Tin	
442	Hoàng Mạnh	Quốc	Y sỹ đa khoa	21/11/2007	Nam	Tày	Lào Cai	7.4	7	6.8	6.5	6.6	8	8		7.1	6.9	7.0	6.8	7.3	7.8	5.1	7.8	Toán, Văn, Tin	
443	Đỗ Hoàng	Sáng	Y sỹ đa khoa	01/10/2007	Nam	Tày	Tuyên Quang	7.9	7.3	7.1	8.1	7.7	7.6			7.4	7.7	7.8	7.9	7.7	5.2	5.2	7.9	Toán, Sinh, Anh	
444	Lý Đại	Thành	Y sỹ đa khoa	15/03/2007	Nam	Hoa	Tuyên Quang	5.2		7.8	6.7	5.5	5.8		8.2	4.3	6.6	4.0	5.8	5.5	3.7	6.4	6.6	Toán, Hóa, Sinh	
445	Hoàng Hiếu	Thảo	Y sỹ đa khoa	14/10/2007	Nữ	Tày	Tuyên Quang	6.1	7.3	6.4	7.1	6.2	6.4			6.6	6.5	6.8	6.5	6.2	4.2	4.2	6.8	Toán, Lý, Sinh	
446	Trần Thị Phương	Thảo	Y sỹ đa khoa	31/10/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6	6.1			6.4	7.2		8.2	4.0	2.0	4.0	4.1	6.5	4.4	7.1	7.1	Toán, Văn, Công nghệ	
447	Ma Doãn	Thuận	Y sỹ đa khoa	07/08/2007	Nam	Tày	Tuyên Quang	6.3	6.7	7.4	7.2	5.7	5.2	8.2		6.8	7.0	6.7	6.4	5.7	6.6	3.8	7	Toán, Hóa, Sinh	
448	Lâm Tuấn	Tú	Y sỹ đa khoa	04/02/2007	Nam	Kinh	Tuyên Quang	7.8		8		7.4	6.9		8.8	5.3	5.3	2.6	5.1	7.4	4.9	7.8	7.8	Toán, Văn, Công nghệ	
449	Tòng Thảo	Vi	Y sỹ đa khoa	20/09/2007	Nữ	Thái	Lào Cai	6.7				6.8	7		8.8	2.2	2.2	2.2	4.5	6.8	4.6	7.5	7.5	Toán, Văn, Công nghệ	
450	Hoàng Thế	Viện	Y sỹ đa khoa	19/09/2007	Nam	Tày	Tuyên Quang	4.5			5.3	4.3	4.7	6.4		1.5	3.3	3.3	4.7	4.5	5.2	3.1	5.2	Toán, Văn, Tin	
451	Hứa Thị Hồng	Ánh	Y sỹ đa khoa	03/06/2007	Nữ	Sán Dìu	Tuyên Quang	7	7.7	6.6	7.8	7.9	6.5	8.2		7.1	7.1	7.5	7.6	7.1	7.2	4.5	7.6	Toán, Sinh, Anh	
452	Ma Công	Diêm	Y sỹ đa khoa	18/08/2007	Nam	Tày	Tuyên Quang	6.2	6.4	6.5	7	5.2	6	7.8		6.4	6.6	6.5	6.1	5.8	6.7	4.1	6.7	Toán, Văn, Tin	
453	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Y sỹ đa khoa	15/07/2007	Nữ	Tày	Tuyên Quang	6.4				6.5	5.9			2.1	2.1	2.1	4.3	6.3	4.1	4.1	6.3	Toán, Văn, Anh	
454	Lò Dìn	Hạnh	Y sỹ đa khoa	25/09/2007	Nam	Tu Dí	Lào Cai	6.9				7.1	7.6	8.5	9.4	2.3	2.3	2.3	4.7	7.2	7.7	8.0	8	Toán, Văn, Công nghệ	
455	Lý Thị	Hiền	Y sỹ đa khoa	06/07/2006	Nữ	Dao	Phú Thọ	6.7	7.3	7.5	6.6	6.3	8	8.2	8.2	7.2	6.9	6.9	6.5	7.0	7.6	7.6	7.6	Toán, Văn, Tin	
456	Nguyễn Đa	Khoa	Y sỹ đa khoa	29/03/2007	Nam	Tày	Hà Giang	7.3	8.2	7.5	8.2	6.9	7.2			7.7	7.7	7.9	7.5	7.1	4.8	4.8	7.9	Toán, Lý, Sinh	
457	Lâm Phương	Liên	Y sỹ đa khoa	04/03/2007	Nữ	Cao Lan	Tuyên Quang	5.9		7.3		7.6	6.7		8.7	4.4	4.4	2.0	4.5	6.7	4.2	7.1	7.1	Toán, Văn, Công nghệ	
458	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	Y sỹ đa khoa	11/02/2007	Nữ	Mường	Hà Nội	4.5	7.1			6.9	7.4	7.8		3.9	1.5	3.9	3.8	6.3	6.6	4.0	6.6	Toán, Văn, Tin	
459	Hà Hoàng Bảo	Minh	Y sỹ đa khoa	23/06/2007	Nam	Tày	Tuyên Quang	4.8			5.3	4.5	4.8		5.8	1.6	3.4	3.4	4.9	4.7	3.2	5.1	5.1	Toán, Văn, Công nghệ	
460	Mùa A	Minh	Y sỹ đa khoa	21/12/2007	Nữ	Mông	Sơn La	7.9		7.2	7.1		9.2			5.0	7.4	5.0	5.0	5.7	5.7	5.7	7.4	Toán, Hóa, Sinh	
461	Nguyễn Tiến	Nam	Y sỹ đa khoa	13/01/2007	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	5.9	5.6	6.1	7.6	6.3	6.3	7.3		5.9	6.5	6.4	6.6	6.2	6.5	4.1	6.6	Toán, Sinh, Anh	
462	Vũ Nguyễn Gia	Nghĩa	Y sỹ đa khoa	06/05/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	7	5.7	4.2	5.3	4.2	6.1	6.8		5.6	5.5	6.0	5.5	5.8	6.6	4.4	6.6	Toán, Văn, Tin	
463	Vũ Yến	Ngọc	Y sỹ đa khoa	14/06/2007	Nữ	Tày	Tuyên Quang	6.1			8	6.7	6.8			2.0	4.7	4.7	6.9	6.5	4.3	4.3	6.9	Toán, Sinh, Anh	
464	Nguyễn Phương	Nhi	Y sỹ đa khoa	08/05/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.4			8.6	7.7	8.3	8.5		2.5	5.3	5.3	7.9	7.8	8.1	5.2	8.1	Toán, Văn, Tin	
465	Giàng A	Phóng	Y sỹ đa khoa	14/01/2007	Nam	H'Mông	Yên Bái	6.5	6.5			6.1	7.6		7.3	4.3	2.2	4.3	4.2	6.7	4.7	7.1	7.1	Toán, Văn, Công nghệ	
466	Nguyễn Tài	Thu	Y sỹ đa khoa	02/08/2007	Nam	Mường	Phú Thọ	5.4	6.8			6.6	6.5		7.5	4.1	1.8	4.1	4.0	6.2	4.0	6.5	6.5	Toán, Văn, Công nghệ	
467	Nguyễn Thị	Tuyến	Y sỹ đa khoa	01/03/1990	Nữ	Kinh	Hải Phòng	6.5	5.4	5.4	5.9	6.6	5.5	6.6		5.8	5.9	5.9	6.3	6.2	6.2	4.0	6.3	Toán, Sinh, Anh	
468	Lý Quốc	Việt	Y sỹ đa khoa	26/01/2007	Nam	Mông	Yên Bái	6.3	6.3	6.8	6.5	5.8	6.9	8.3		6.5	6.5	6.4	6.2	6.3	7.2	4.4	7.2	Toán, Văn, Tin	
469	Trịnh Vân	Anh	Y sỹ đa khoa	29/11/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	8.1	7.1	8		8.2	7.6	8.7		7.7	5.4	5.1	5.4	8.0	8.1	5.2	8.1	Toán, Văn, Tin	
470	Nguyễn Thị Vân	Anh	Y sỹ đa khoa	05/07/2007	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	7.4	7.7		7.7		7.1		7.6	5.0	5.0	7.6	5.0	4.8	4.8	7.4	7.6	Toán, Lý, Sinh	
471	Bùi Ngọc	Ánh	Y sỹ đa khoa	01/11/1986	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.4	6.6	6.9	6	6.9	7.1			6.6	6.4	6.3	6.4	6.8	4.5	4.5	6.8	Toán, Văn, Anh	
472	Bùi Thái	Dương	Y sỹ đa khoa	13/08/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	6.6	6.6				6.4	7.1		4.4	2.2	4.4	2.2	4.3	6.7	4.3	6.7	Toán, Văn, Tin	
473	Nhữ Việt	Hùng	Y sỹ đa khoa	02/11/2007	Nam	Kinh	Tuyên Quang	5.2	6.1			7.1	5.5	7.8		3.8	1.7	3.8	4.1	5.9	6.2	3.6	6.2	Toán, Văn, Tin	
474	Nguyễn Thùy	Linh	Y sỹ đa khoa	06/10/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	8	6.8	8		8.2	7.3	9		7.6	5.3	4.9	5.4	7.8	8.1	5.1	8.1	Toán, Văn, Tin	
475	Dương Ánh	Ngọc	Y sỹ đa khoa	15/11/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.5			7.4		6.9	8.1		2.2	4.6	4.6	4.6	4.5	7.2	4.5	7.2	Toán, Văn, Tin	
476	Lê Thị Bảo	Ngọc	Y sỹ đa khoa	09/12/2025	Nữ	Mường	Phú Thọ	5.4	7.4	7.8	7.9	5.7	7		8.5	6.9	7.0	6.9	6.3	6.0	4.1	7.0	7	Toán, Hóa, Sinh	
477	Khổng Thị Thanh	Thúy	Y sỹ đa khoa	05/01/2007	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	7.4		7.6	7.4		7.3	7.5		5.0	7.5	4.9	4.9	4.9	7.4	4.9	7.5	Toán, Hóa, Sinh	

Scanned with CamScanner

STT	Họ và đệm	Tên	Ngành đào tạo	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Anh	Văn	Tin	CN	TỔ HỢP XÉT TUYỂN							Điểm Tổ hợp Trúng tuyển	Tên tổ hợp trúng tuyển	Ghi chú
																Toán, Lý, Hóa	Toán, Hóa, Sinh	Toán, Lý, Sinh	Toán, Sinh, Anh	Toán, Văn, Anh	Toán, Văn, Tin	Toán, Văn, Công nghệ			
478	Nguyễn Văn	Tiến	Y sỹ đa khoa	16/07/2007	Nam	Kinh	Tuyên Quang	8.2	7.5			7.1	7.6	8.7		5.2	2.7	5.2	5.1	7.6	8.2	5.3	8.2	Toán, Văn, Tin	
479	Nguyễn Quang	Anh	Y sỹ đa khoa	27/11/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	5.9		6.6		5.5	6.6	6.7	8.1	4.2	4.2	2.0	3.8	6.0	6.4	6.9	6.9	Toán, Văn, Công nghệ	
480	Văn Thế	Anh	Y sỹ đa khoa	09/09/2007	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	6.6	6.7			6.3	7.8		7.7	4.4	2.2	4.4	4.3	6.9	4.8	7.4	7.4	Toán, Văn, Công nghệ	
481	Ma Thị	Ánh	Y sỹ đa khoa	05/02/2007	Nữ	Tày	Tuyên Quang	7.1			7.5	6.6	8			2.4	4.9	4.9	7.1	7.2	5.0	5.0	7.2	Toán, Văn, Anh	
482	Phạm Thanh	Bình	Y sỹ đa khoa	03/08/2006	Nam	Kinh	Tuyên Quang	5.3	4.4	5	5.8	5.8	4.9	8	6.7	4.9	5.4	5.2	5.6	5.3	6.1	5.6	6.1	Toán, Văn, Tin	
483	Hờ A	Công	Y sỹ đa khoa	01/05/2007	Nam	Mông	Yên Bái	7.6	6.8	8	6.5	5.9	6.9	8.3		7.5	7.4	7.0	6.7	6.8	7.6	4.8	7.6	Toán, Văn, Tin	
484	Đinh Phương	Dung	Y sỹ đa khoa	13/09/2007	Nữ	Tày	Yên Bái	7.2		8.1	8		7.5	8.1		5.1	7.8	5.1	5.1	4.9	7.6	4.9	7.8	Toán, Hóa, Sinh	
485	Khổng Anh	Dũng	Y sỹ đa khoa	20/02/2007	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	8.2	7.1	6.6	8.1	6.8	6.2	8.3		7.3	7.6	7.8	7.7	7.1	7.6	4.8	7.8	Toán, Lý, Sinh	
486	Phạm Anh	Dũng	Y sỹ đa khoa	12/09/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	7.3	7.7	6.9	6.2	6.4	6.5	8.2	0	7.3	6.8	7.1	6.6	6.7	7.3	4.6	7.3	Toán, Lý, Hóa	
487	Cừ A	Giàng	Y sỹ đa khoa	05/06/2007	Nam	Mông	Yên Bái	7.5	7.3	7.8	6.8	6.8	7.4	8.4		7.5	7.4	7.2	7.0	7.2	7.8	5.0	7.8	Toán, Văn, Tin	
488	Nguyễn Anh	Hải	Y sỹ đa khoa	18/01/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	6.8			7.3	7.2	6.8	8.3		2.3	4.7	4.7	7.1	6.9	7.3	4.5	7.3	Toán, Văn, Tin	
489	Nguyễn Hồng	Hạnh	Y sỹ đa khoa	31/12/2007	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	6.2		7.8		6.9	8.2		8.9	4.7	4.7	2.1	4.4	7.1	4.8	7.8	7.8	Toán, Văn, Công nghệ	
490	Nguyễn Thu	Hiền	Y sỹ đa khoa	22/09/2007	Nữ	Kinh	Tuyên Quang	8	7.7	7.3	8	8.2	7.2	8.5		7.7	7.8	7.9	8.1	7.8	7.9	5.1	8.1	Toán, Sinh, Anh	
491	Nguyễn Tuấn	Hưng	Y sỹ đa khoa	22/09/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	6.7	7	8.5	8.2	6.8	6.7	7.5		7.4	7.8	7.3	7.2	6.7	7.0	4.5	7.8	Toán, Hóa, Sinh	
492	Hoàng Gia	Hưng	Y sỹ đa khoa	13/01/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	5.9	7.3			6.6	5.9		8.3	4.4	2.0	4.4	4.2	6.1	3.9	6.7	6.7	Toán, Văn, Công nghệ	
493	Hà Quang	Hưng	Y sỹ đa khoa	12/08/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	7.3	6.5	6.8	7	7.4	6.7	9.2		6.9	7.0	6.9	7.2	7.1	7.7	4.7	7.7	Toán, Văn, Tin	
494	Nguyễn Thị Thu	Hướng	Y sỹ đa khoa	02/06/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	5.9				6.9	7.4	9.3	8.7	2.0	2.0	2.0	4.3	6.7	7.5	7.3	7.5	Toán, Văn, Tin	
495	Trần Gia	Huy	Y sỹ đa khoa	25/10/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	6.9	6.8	5.6	6.8	5.6	7.3	8.6		6.4	6.4	6.8	6.4	6.6	7.6	4.7	7.6	Toán, Văn, Tin	
496	Quàng Lường Thị	Lệ	Y sỹ đa khoa	29/20/2007	Nữ	Thái	Sơn La	6.4			6.6	6.6	6.6			2.1	4.3	4.3	6.5	6.5	4.3	4.3	6.5	Toán, Sinh, Anh	
497	Dương Vũ Thùy	Linh	Y sỹ đa khoa	08/02/2007	Nữ	Kinh	Tuyên Quang	6.4	7.4			7.1	8.1	8.7		4.6	2.1	4.6	4.5	7.2	7.7	4.8	7.7	Toán, Văn, Tin	
498	Trần Bình	Mai	Y sỹ đa khoa	28/07/2007	Nữ	Kinh	Tuyên Quang	5.2	6.4			5.9	6.7	7.8		3.9	1.7	3.9	3.7	5.9	6.6	4.0	6.6	Toán, Văn, Tin	
499	Hà Xuân	Nga	Y sỹ đa khoa	04/12/2007	Nam	Mường	Phú Thọ	5.7	8.1	7.2			6.2	7.6		7.0	4.3	4.6	1.9	4.0	6.5	4.0	7	Toán, Lý, Hóa	
500	Nguyễn Hồng	Nhung	Y sỹ đa khoa	19/08/2007	Nữ	Kinh	Tuyên Quang	6.5				7	7.7	8.4	8.5	2.2	2.2	2.2	4.5	7.1	7.5	7.6	7.6	Toán, Văn, Công nghệ	
501	Cầm Ngọc	Phong	Y sỹ đa khoa	22/09/2007	Nam	Thái	Yên Bái	7.4	8.1	7.4		6.7	6.7	7.4		7.6	4.9	5.2	4.7	6.9	7.2	4.7	7.6	Toán, Lý, Hóa	
502	Trương Đức	Thắng	Y sỹ đa khoa	22/11/2007	Nam	Tày	Thái Nguyên	7.4	7.3	7	7.9	6.2	6.4	7.9		7.2	7.4	7.5	7.2	6.7	7.2	4.6	7.5	Toán, Lý, Sinh	
503	Hà Thu	Trang	Y sỹ đa khoa	21/10/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	5.7				6.9	6.9	7.7	8.8	1.9	1.9	1.9	4.2	6.5	6.8	7.1	7.1	Toán, Văn, Công nghệ	
504	Triệu Minh	Vũ	Y sỹ đa khoa	30/11/2007	Nam	Tày	Tuyên Quang	6.6	6.8			7.3	6.5	8.2		4.5	2.2	4.5	4.6	6.8	7.1	4.4	7.1	Toán, Văn, Tin	
505	Trần Tiến	Anh	Kỹ thuật hình ảnh y học	28/08/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	6.1				6.6	6.8	8.9	8.5	2.0	2.0	2.0	4.2	6.5	7.3	7.1	7.3	Toán, Văn, Tin	
506	Nguyễn Xuân	Bắc	Kỹ thuật hình ảnh y học	13/08/2007	Nam	Tày	Thái Nguyên	6.1		6.1		5.8	5.8		7.4	4.1	4.1	2.0	4.0	5.9	4.0	6.4	6.4	Toán, Văn, Công nghệ	
507	Trần Trọng	Bách	Kỹ thuật hình ảnh y học	14/03/2005	Nam	Kinh	Hà Nội	5.7	6.5	7.5	8	6.5	6	7.5	8.3	6.6	7.1	6.7	6.7	6.1	6.4	6.7	7.1	Toán, Hóa, Sinh	
508	Phạm Duy	Bộ	Kỹ thuật hình ảnh y học	07/11/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	7.1			8	7.2	7.5	7.8		2.4	5.0	5.0	7.4	7.3	7.5	4.9	7.5	Toán, Văn, Tin	
509	Nguyễn Bá	Công	Kỹ thuật hình ảnh y học	19/10/2007	Nam	Kinh	Hà Nội	8.4	8.5		9.4	8.2	8.2			5.6	5.9	8.8	8.7	8.3	5.5	5.5	8.8	Toán, Lý, Sinh	
510	Trần Trí	Công	Kỹ thuật hình ảnh y học	19/02/2007	Nam	Nùng	Thái Nguyên	7.2	5.6	6.6	6	4.5	6.5	7.3		6.5	6.6	6.3	5.9	6.1	7.0	4.6	7	Toán, Văn, Tin	
511	Nguyễn Hữu	Điệp	Kỹ thuật hình ảnh y học	17/08/2007	Nam	Kinh	Tuyên Quang	5.9	7.5	5.2	7.3	5.1	6.1	7.5		6.2	6.1	6.9	6.1	5.7	6.5	4.0	6.9	Toán, Lý, Sinh	
512	Vương Anh	Đức	Kỹ thuật hình ảnh y học	16/03/2007	Nam	Nùng	Tuyên Quang	8.7	9	7.6	8.9	7.3	7.2	7.9		8.4	8.4	8.9	8.3	7.7	7.9	5.3	8.9	Toán, Lý, Sinh	
513	Trịnh Tùng	Dương	Kỹ thuật hình ảnh y học	16/09/2007	Nam	Kinh	Lào Cai	4.9		5.8		4.7	5.8		7.6	3.6	3.6	1.6	3.2	5.1	3.6	6.1	6.1	Toán, Văn, Công nghệ	
514	Lê Tống	Giang	Kỹ thuật hình ảnh y học	05/06/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	8.4				9	8	8.6	8.7	2.8	2.8	2.8	5.8	8.5	8.3	8.4	8.5	Toán, Văn, Anh	
515	Mùi Văn	Hiệp	Kỹ thuật hình ảnh y học	07/11/2007	Nam	Mường	Sơn La	5.6		6.3	7.6	6.8	6	7.5	7.5	4.0	6.5	4.4	6.7	6.1	6.4	6.4	6.7	Toán, Sinh, Anh	
516	Giàng A	Hồng	Kỹ thuật hình ảnh y học	03/07/2000	Nam	Mông	Điện Biên	8.2	6.9	7.2	7.9	6.6	7.2	8	7.7	7.4	7.8	7.7	7.6	7.3	7.8	7.7	7.8	Toán, Hóa, Sinh	
517	Vàng A	Lềnh	Kỹ thuật hình ảnh y học	13/08/2007	Nam	Mông	Lai Châu	6.7	7.7	7.2	6.4	6.6	6.7			7.2	6.8	6.9	6.6	6.7	4.5	4.5	7.2	Toán, Lý, Hóa	
518	Đinh Quang	Linh	Kỹ thuật hình ảnh y học	01/04/2007	Nam	Mường	Phú Thọ	5.3				6.1	5.2	7	7.8	1.8	1.8	1.8	3.8	5.5	5.8	6.1	6.1	Toán, Văn, Công nghệ	
519	Triệu Kim	Lực	Kỹ thuật hình ảnh y học	17/05/2003	Nam	Dao	Tuyên Quang	5	6.1	5.9	6.2	4	5.3	7.5	8.4	5.7	5.7	5.8	5.1	4.8	5.9	6.2	6.2	Toán, Văn, Công nghệ	
520	Nguyễn Nhật	Minh	Kỹ thuật hình ảnh y học	03/04/2007	Nam	Kinh	Hà Nội	6.9			9.3	8.5	7.6		9.4	2.3	5.4	5.4	8.2	7.7	4.8	8.0	8.2	Toán, Sinh, Anh	
521	Nguyễn Phương	Nam	Kỹ thuật hình ảnh y học	09/09/2007	Nam	Tày	Tuyên Quang	6.6		7.2		6.4	6.4		8.2	4.6	4.6	2.2	4.3	6.5	4.3	7.1	7.1	Toán, Văn, Công nghệ	

Scanned with CamScanner

STT	Họ và đệm	Tên	Ngành đào tạo	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Anh	Văn	Tin	CN	TỔ HỢP XÉT TUYỂN							Điểm Tổ hợp Trúng tuyển	Tên tổ hợp trúng tuyển	Ghi chú
																Toán, Lý, Hóa	Toán, Hóa, Sinh	Toán, Lý, Sinh	Toán, Sinh, Anh	Toán, Văn, Anh	Toán, Văn, Tin	Toán, Văn, Công nghệ			
522	Nguyễn Trung	Nghĩa	Kỹ thuật hình ảnh y học	21/08/2007	Nam	Kinh	Thái Nguyên	6.1	7.6	6.8		6.5	6.1	8.1		6.9	4.3	4.6	4.2	6.2	6.8	4.1	6.9	Toán, Lý, Hóa	
523	Lê Phương	Nguyên	Kỹ thuật hình ảnh y học	01/02/2007	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	7.1				6.1	6.8	7.5	7.6	2.4	2.4	2.4	4.4	6.7	7.1	7.2	7.2	Toán, Văn, Công nghệ	
524	Trần Hồng Duy	Phong	Kỹ thuật hình ảnh y học	03/03/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	5.1	7.4	8.5	7.8	7.5	6.3	8.1		7.0	7.1	6.8	6.8	6.3	6.5	3.8	7.1	Toán, Hóa, Sinh	
525	Hoàng Danh	Thái	Kỹ thuật hình ảnh y học	31/08/2007	Nam	Kinh	Tuyên Quang	6.8	7.5			8.1	6.6	8.3		4.8	2.3	4.8	5.0	7.2	7.2	4.5	7.2	Toán, Văn, Anh	
526	Trịnh Quang	Thắng	Kỹ thuật hình ảnh y học	29/05/2007	Nam	Kinh	Tuyên Quang	6.5			7.6		6.4	8.2		2.2	4.7	4.7	4.7	4.3	7.0	4.3	7	Toán, Văn, Tin	
527	Nguyễn Đức	Thuận	Kỹ thuật hình ảnh y học	23/10/2007	Nam	Cao Lan	Phú Thọ	5.8	6.1			7.6	5.8		8	4.0	1.9	4.0	4.5	6.4	3.9	6.5	6.5	Toán, Văn, Công nghệ	
528	Nguyễn Quốc	Trường	Kỹ thuật hình ảnh y học	11/05/2005	Nam	Kinh	Lào Cai	6.2	6.4	7	6.5					6.5	6.6	6.4	4.2	2.1	2.1	2.1	6.6	Toán, Hóa, Sinh	
529	Nguyễn Mạnh	Tuân	Kỹ thuật hình ảnh y học	18/10/2007	Nam	Kinh	Tuyên Quang	6	5.8			5.9	5.8	7.4		3.9	2.0	3.9	4.0	5.9	6.4	3.9	6.4	Toán, Văn, Tin	
530	Lê Minh	Tuấn	Kỹ thuật hình ảnh y học	27/07/2007	Nam	Kinh	Thái Nguyên	6.1			6.1	5.1	6.9	7.5		2.0	4.1	4.1	5.8	6.0	6.8	4.3	6.8	Toán, Văn, Tin	
531	Triệu Văn	Tuấn	Kỹ thuật hình ảnh y học	03/04/2007	Nam	Dao	Tuyên Quang	5.3				5.8	5.8	7	7.1	1.8	1.8	1.8	3.7	5.6	6.0	6.1	6.1	Toán, Văn, Công nghệ	
532	Nguyễn Hoàng	Anh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	17/09/2007	Nam	Mường	Phú Thọ	7.5					7.3	9.4	9.2	2.5	2.5	2.5	2.5	4.9	8.1	8.0	8.1	Toán, Văn, Tin	
533	Hoàng Ngọc	Bích	Kỹ thuật xét nghiệm y học	02/10/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.3				7.2	7.1	7.7	7.3	2.4	2.4	2.4	4.8	7.2	7.4	7.2	7.4	Toán, Văn, Tin	
534	Hà Hải	Đăng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	08/12/2007	Nam	Mường	Phú Thọ	6	8	8.3	8.3		6.8			7.4	7.5	7.4	4.8	4.3	4.3	4.3	7.5	Toán, Hóa, Sinh	
535	Lèo Thị Phương	Hoài	Kỹ thuật xét nghiệm y học	02/04/2007	Nữ	Thái	Sơn La	5.3	7.2	7.3	7.9	8.3	7.5	8.3		6.6	6.8	6.8	7.2	7.0	7.0	4.3	7.2	Toán, Sinh, Anh	
536	Sùng Quang	Huy	Kỹ thuật xét nghiệm y học	19/05/2007	Nam	Nùng	Quảng Ninh	8	9	8.6			7.3			8.5	5.5	5.7	2.7	5.1	5.1	5.1	8.5	Toán, Lý, Hóa	
537	Đặng Thị Thu	Huyền	Kỹ thuật xét nghiệm y học	25/11/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.5				5.9		8.6	8.9	2.2	2.2	2.2	4.1	4.1	5.0	5.1	5.1	Toán, Văn, Công nghệ	
538	Nguyễn Khánh	Linh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	29/01/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.6				5.6	7.3		7.8	2.2	2.2	2.2	4.1	6.5	4.6	7.2	7.2	Toán, Văn, Công nghệ	
539	Phùng Phi	Long	Kỹ thuật xét nghiệm y học	04/09/2007	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	7.9	7.5	8	7.2		7.2			7.8	7.7	7.5	5.0	5.0	5.0	5.0	7.8	Toán, Lý, Hóa	
540	Nguyễn Thành	Long	Kỹ thuật xét nghiệm y học	31/07/2002	Nam	Kinh	Lào Cai	6.8	7.3	7.4	6.7	6	6.6	9.2	8.7	7.2	7.0	6.9	6.5	6.5	7.5	7.4	7.5	Toán, Văn, Tin	
541	Lầu Công	Minh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	17/05/2006	Nam	Mông	Sơn La	5.6	6.3	5.5	5.8		5.6			5.8	5.6	5.9	3.8	3.7	3.7	3.7	5.9	Toán, Lý, Sinh	
542	Hà Thị	Phương	Kỹ thuật xét nghiệm y học	28/02/2007	Nữ	Mường	Phú Thọ	6.6	7.6			6.2	8.7			4.7	2.2	4.7	4.3	7.2	5.1	5.1	7.2	Toán, Văn, Anh	
543	Quách Chung	Thành	Kỹ thuật xét nghiệm y học	30/08/2007	Nam	Mường	Hòa Bình	5			6.8	6	5.3		6.6	1.7	3.9	3.9	5.9	5.4	3.4	5.6	5.9	Toán, Sinh, Anh	
544	Đặng Minh	Tùng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	26/02/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	5.4	6.8	5.8	6.8	6.8	6	8.2		6.0	6.0	6.3	6.3	6.1	6.5	3.8	6.5	Toán, Văn, Tin	
545	Bùi Anh	Văn	Kỹ thuật xét nghiệm y học	23/07/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	6.5	6.6	5.5	6.2	6.5	6.8	8.5		6.2	6.1	6.4	6.4	6.6	7.3	4.4	7.3	Toán, Văn, Tin	
546	Đào Thị Hải	Yến	Kỹ thuật xét nghiệm y học	22/12/2006	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	6.4				6.8	5.9	8.2	8	2.1	2.1	2.1	4.4	6.4	6.8	6.8	6.8	Toán, Văn, Tin	
547	Nguyễn Quỳnh	Anh	Hộ sinh	22/06/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	8.1	7.8	8.2	7.8	7.9	8	8.9		8.0	8.0	7.9	7.9	8.0	8.3	5.4	8.3	Toán, Văn, Tin	
548	Hà Vân	Anh	Hộ sinh	21/07/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.8			8.1		6.4	9		2.3	5.0	5.0	5.0	4.4	7.4	4.4	7.4	Toán, Văn, Tin	
549	Lù Thị	Bươn	Hộ sinh	31/10/2007	Nữ	Nùng	Hà Giang	6.4	6.7	7.5	7.3		6.9			6.9	7.1	6.8	4.6	4.4	4.4	4.4	7.1	Toán, Hóa, Sinh	
550	Hà Thị Linh	Chi	Hộ sinh	29/08/2006	Nữ	Mường	Sơn La	5.9	7.1	6.5	6.8					6.5	6.4	6.6	4.2	2.0	2.0	2.0	6.6	Toán, Lý, Sinh	
551	Hà Thảo	Hiền	Hộ sinh	09/03/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.7					6.8	8.6	8.7	2.2	2.2	2.2	2.2	4.5	7.4	7.4	7.4	Toán, Văn, Tin	
552	Giàng Thị	Hòa	Hộ sinh	05/10/2007	Nữ	Mông	Yên Bái	8			7.3	7.3	7.4		8.8	2.7	5.1	5.1	7.5	7.6	5.1	8.1	8.1	Toán, Văn, Công nghệ	
553	Giàng Thị	La	Hộ sinh	20/06/2007	Nữ	Mông	Lào Cai	8.2	7.5	7.8	6.7	6.9	7.3			7.8	7.6	7.5	7.3	7.5	5.2	5.2	7.8	Toán, Lý, Hóa	
554	Trần Cẩm	Ly	Hộ sinh	24/08/2004	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.3	8	7.9	7.9		6.2			7.4	7.4	7.4	4.7	4.2	4.2	4.2	7.4	Toán, Lý, Hóa	
555	Chử Thị Khánh	Ly	Hộ sinh	24/12/2007	Nữ	Kinh	Đắk Nông	6.2	7.8	8	7.5	8.3	7.2	9.2		7.3	7.2	7.2	7.3	7.2	7.5	4.5	7.5	Toán, Văn, Tin	
556	Hờ Thi	Lý	Hộ sinh	25/12/2007	Nữ	Mông	Yên Bái	7.1	6.8	7.5	6.7	6.4	7	8.1		7.1	7.1	6.9	6.7	6.8	7.4	4.7	7.4	Toán, Văn, Tin	
557	Hầu Thị	Sinh	Hộ sinh	19/03/2007	Nữ	Cao Lan	Tuyên Quang	7				8.1	7.7	7.9	9.1	2.3	2.3	2.3	5.0	7.6	7.5	7.9	7.9	Toán, Văn, Công nghệ	
558	Đon Thị	Tuyên	Hộ sinh	01/06/2006	Nữ	Tày	Hà Giang	7.1	7	7.6	7		6.8			7.2	7.2	7.0	4.7	4.6	4.6	4.6	7.2	Toán, Lý, Hóa	
559	Trương Thị Ánh	Tuyết	Hộ sinh	11/02/2007	Nữ	Cao Lan	Tuyên Quang	7				7.5	7.4	7.7	8.4	2.3	2.3	2.3	4.8	7.3	7.4	7.6	7.6	Toán, Văn, Công nghệ	
560	Lý Hồng	Vân	Hộ sinh	26/03/2006	Nữ	Dao	Phú Thọ	6	6.3	7	6.4	6.1	7.2	8	8.3	6.4	6.5	6.2	6.2	6.4	7.1	7.2	7.2	Toán, Văn, Công nghệ	
561	Nguyễn Mai	Anh	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	26/12/2007	Nữ	Tày	Tuyên Quang	6.5				6.3	7	7.6	7.2	2.2	2.2	2.2	4.3	6.6	7.0	6.9	7	Toán, Văn, Tin	
562	Nguyễn Lương	Bằng	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	13/02/2003	Nam	Kinh	Phú Thọ	6.3	7.5	7.9	7.2		5.7			7.2	7.1	7.0	4.5	4.0	4.0	4.0	7.2	Toán, Lý, Hóa	
563	Tạ Hà Gia	Bảo	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	04/11/2007	Nam	Tày	Lào Cai	6.9	7.1	7.5	7.6	7	7	7.6		7.2	7.3	7.2	7.2	7.0	7.2	4.6	7.3	Toán, Hóa, Sinh	
564	Nguyễn Mạnh	Cường	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	22/02/2007	Nam	Kinh	Tuyên Quang	5.9	6.4			5.9	5.5	8.1		4.1	2.0	4.1	3.9	5.8	6.5	3.8	6.5	Toán, Văn, Tin	
565	Lê Hoàng	Đạt	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	08/12/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	6.8	6.8	7.4	7.6	6.8	7.1		8.3	7.0	7.3	7.1	7.1	6.9	4.6	7.4	7.4	Toán, Văn, Công nghệ	

Scanned with CamScanner

STT	Họ và đệm	Tên	Ngành đào tạo	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Anh	Văn	Tin	CN	TỔ HỢP XÉT TUYỂN							Điểm Tổ hợp Trúng tuyển	Tên tổ hợp trúng tuyển	Ghi chú
																Toán, Lý, Hóa	Toán, Hóa, Sinh	Toán, Lý, Sinh	Toán, Sinh, Anh	Toán, Văn, Anh	Toán, Văn, Tin	Toán, Văn, Công nghệ			
566	Bàn Tài	Đức	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	09/05/2007	Nam	Dao	Phú Thọ	5.2	6.7	5.7		5.3			7.1	5.9	3.6	4.0	3.5	3.5	1.7	4.1	5.9	Toán, Lý, Hóa	
567	Đỗ Trung	Dũng	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	16/03/2006	Nam	Kinh	Tuyên Quang	3.4	5			8	5.8		7.8	3.5	1.8	3.5	4.5	6.4	3.7	6.3	6.4	Toán, Văn, Anh	
568	Nguyễn Đức Tùng	Dương	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	15/06/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	6.9	7.9	8.3	8.8		7.6			7.7	8.0	7.9	5.2	4.8	4.8	4.8	8	Toán, Hóa, Sinh	
569	Phùng Thị Kiều	Duyên	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	10/06/2002	Nữ	Tày	Thái Nguyên	7	7.6	8.5	7.3	7	8.3		8.2	7.7	7.6	7.3	7.1	7.4	5.1	7.8	7.8	Toán, Văn, Công nghệ	
570	Mông Thị Thu	Hà	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	20/10/2007	Nữ	Tày	Tuyên Quang	6.2	7		5.8	6	5.9			4.4	4.0	6.3	6.0	6.0	4.0	4.0	6.3	Toán, Lý, Sinh	
571	Vàng Thị	Hiếu	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	27/11/2007	Nữ	Tày	Lào Cai	6.6	7.7			7.6	8.1	8.2		4.8	2.2	4.8	4.7	7.4	7.6	4.9	7.6	Toán, Văn, Tin	
572	Lường Mạnh	Hoàng	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	11/08/2007	Nam	Thái	Sơn La	6.6		8		5.9	6.7			4.9	4.9	2.2	4.2	6.4	4.4	4.4	6.4	Toán, Văn, Anh	
573	Trần Việt	Hoàng	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	22/11/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	6.1				8	6.4	8.8	8.7	2.0	2.0	2.0	4.7	6.8	7.1	7.1	7.1	Toán, Văn, Tin	
574	Nguyễn Tuấn	Hùng	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	15/08/2007	Nam	Mường	Hà Nội	6.9		7.3		7.5	7.2		8.6	4.7	4.7	2.3	4.8	7.2	4.7	7.6	7.6	Toán, Văn, Công nghệ	
575	Bùi Văn	Hưng	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	15/09/2007	Nam	Mường	Hòa Bình	6.5		6.2	7.3		6.1	7.4		4.2	6.7	4.6	4.6	4.2	6.7	4.2	6.7	Toán, Hóa, Sinh	
576	Trương Lâm	Huy	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	03/09/2007	Nam	Kinh	Lai Châu	7.8	7.5	7	7.3	6.2	6.4	7.5		7.4	7.4	7.5	7.1	6.8	7.2	4.7	7.5	Toán, Lý, Sinh	
577	Nguyễn Công	Khanh	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	31/03/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	6.3				5.8	7.1	8	8.3	2.1	2.1	2.1	4.0	6.4	7.1	7.2	7.2	Toán, Văn, Công nghệ	
578	Tăng Quốc	Khánh	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	24/06/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	5.5			6.6	5.6	6.3		6.9	1.8	4.0	4.0	5.9	5.8	3.9	6.2	6.2	Toán, Văn, Công nghệ	
579	Hà Mai	Linh	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	21/02/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.3		6.9	7.8		7		7.7	4.4	7.0	4.7	4.7	4.4	4.4	7.0	7	Toán, Hóa, Sinh	
580	Nguyễn Hoàng	Long	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	16/01/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	6.2			6.4	6.6	7.2	7.8		2.1	4.2	4.2	6.4	6.7	7.1	4.5	7.1	Toán, Văn, Tin	
581	Sền Quang	Minh	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	25/05/2007	Nam	Nùng	Hà Giang	5.6	5.7	5.9	5.8	4.6	6.2	7		5.7	5.8	5.7	5.3	5.5	6.3	3.9	6.3	Toán, Văn, Tin	
582	Nguyễn Hải	Nam	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	20/07/2006	Nam	Kinh	Phú Thọ	6.3				7.5	6.2	8.9	9	2.1	2.1	2.1	4.6	6.7	7.1	7.2	7.2	Toán, Văn, Công nghệ	
583	Trần Phương	Nga	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	09/11/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	5.7				6.9	7.1	8.2	9.1	1.9	1.9	1.9	4.2	6.6	7.0	7.3	7.3	Toán, Văn, Công nghệ	
584	Hoàng Minh	Ngọc	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	02/05/2007	Nữ	Kinh	Lào Cai	6.2		6.5		5.6	7.4		8.1	4.2	4.2	2.1	3.9	6.4	4.5	7.2	7.2	Toán, Văn, Công nghệ	
585	Vi Trung	Nguyên	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	18/04/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	6.5	5.4			7	6.6		8.3	4.0	2.2	4.0	4.5	6.7	4.4	7.1	7.1	Toán, Văn, Công nghệ	
586	Vàng Mi	Sài	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	13/07/2007	Nữ	Mông	Lào Cai	6.6	7.2	7			6.4	7		6.9	4.5	4.6	2.2	4.3	6.7	4.3	6.9	Toán, Lý, Hóa	
587	Vũ Kim	Thái	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	28/12/2007	Nam	Kinh	Yên Bái	7.4		7	7.6	8	6.4		8.4	4.8	7.3	5.0	7.7	7.3	4.6	7.4	7.7	Toán, Sinh, Anh	
588	Nguyễn Phương	Thảo	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	28/11/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	5.7				5.2	7.7	7	8.7	1.9	1.9	1.9	3.6	6.2	6.8	7.4	7.4	Toán, Văn, Công nghệ	
589	Cao Việt	Tiến	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	26/06/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.3				7.5	7.6	8.8	8.6	2.4	2.4	2.4	4.9	7.5	7.9	7.8	7.9	Toán, Văn, Tin	
590	Nguyễn Thị Huyền	Trang	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	21/01/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	8.1	7.1	8.3	8.8	6.9	7.7	8.6		7.8	8.4	8.0	7.9	7.6	8.1	5.3	8.4	Toán, Hóa, Sinh	
591	Lê Quang	Vũ	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	16/12/2007	Nam	Kinh	Tuyên Quang	6.5	6.8			5.7	5.5	8.3		4.4	2.2	4.4	4.1	5.9	6.8	4.0	6.8	Toán, Văn, Tin	
592	Lương Thế	Bách	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	17/11/2007	Nam	Tày	Tuyên Quang	6				5.8	5.3	7	6.9	2.0	2.0	2.0	3.9	5.7	6.1	6.1	6.1	Toán, Văn, Tin	
593	Trương Tuấn	Bảo	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	20/04/2004	Nam	Tày	Tuyên Quang	6.7	7	7.1	7.9	7.1	6.9	7.1	8.1	6.9	7.2	7.2	7.2	6.9	6.9	7.2	7.2	Toán, Hóa, Sinh	
594	Nguyễn Hồng	Đức	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	05/04/2006	Nam	Kinh	Hòa Bình	6.1	7	6.5	7.9		5.9			6.5	6.8	7.0	4.7	4.0	4.0	4.0	7	Toán, Lý, Sinh	
595	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	12/08/2007	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	7.4	8.1	8.6	8.4		6.8			8.0	8.1	8.0	5.3	4.7	4.7	4.7	8.1	Toán, Hóa, Sinh	
596	Đặng Ngọc	Hà	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	23/06/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	8.8	8			9	8.7		9	5.6	2.9	5.6	5.9	8.8	5.8	8.8	8.8	Toán, Văn, Anh	
597	Nguyễn Quang	Hiếu	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	20/07/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	5.2	7.6	5.5	6	5.6	6	7.8		6.1	5.6	6.3	5.6	5.6	6.3	3.7	6.3	Toán, Lý, Sinh	
598	Trương Kim	Huệ	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	14/06/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	5.4	6.8			5.7	6.6		8	4.1	1.8	4.1	3.7	5.9	4.0	6.7	6.7	Toán, Văn, Công nghệ	
599	Nông Thùy	Linh	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	23/06/2007	Nữ	Tày	Lạng Sơn	7.6	8.7	7.6			6.7	8.2		8.0	5.1	5.4	2.5	4.8	7.5	4.8	8	Toán, Lý, Hóa	
600	Đỗ Thị Thanh	Mai	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	29/08/2007	Nữ	Kinh	Tuyên Quang	6.5			7.8	7.1	7		8.3	2.2	4.8	4.8	7.1	6.9	4.5	7.3	7.3	Toán, Văn, Công nghệ	
601	Nguyễn Minh	Nam	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	02/04/2005	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	6.4	7.7	6.9	7.7	6.5	6.6	8.4	8.5	7.0	7.0	7.3	6.9	6.5	7.1	7.2	7.3	Toán, Lý, Sinh	
602	Nguyễn Thị Hằng	Nga	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	08/02/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.1			8.5		7.1		8.7	2.0	4.9	4.9	4.9	4.4	4.4	7.3	7.3	Toán, Văn, Công nghệ	
603	Hoàng Phương	Thảo	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	20/11/2007	Nữ	Chay	Tuyên Quang	6.1				6	6	8	7.6	2.0	2.0	2.0	4.0	6.0	6.7	6.6	6.7	Toán, Văn, Tin	
604	Nguyễn Minh	Vũ	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	09/08/2007	Nam	Kinh	Hà Nội	8.7	9.1	7.8	8	5.9	7.3	8.8		8.5	8.2	8.6	7.5	7.3	8.3	5.3	8.6	Toán, Lý, Sinh	
605	Nguyễn Gia	Bảo	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	26/09/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	6.5				5.3	6.6	6.5	7.6	2.2	2.2	2.2	3.9	6.1	6.5	6.9	6.9	Toán, Văn, Công nghệ	
606	Tạ Kim	Dung	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	22/06/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	7.8			9.6	8.7	8		9.6	2.6	5.8	5.8	8.7	8.2	5.3	8.5	8.7	Toán, Sinh, Anh	
607	Tạ Ngọc	Lan	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	12/12/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	6.2				7.1	8.5	8.6	8.9	2.1	2.1	2.1	4.4	7.3	7.8	7.9	7.9	Toán, Văn, Công nghệ	
608	Lê Trương Tài	Nguyên	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	16/01/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	6.1				8.8	6.4	9.8		2.0	2.0	2.0	5.0	7.1	7.4	4.2	7.4	Toán, Văn, Tin	
609	Hoàng Thị Yến	Nhi	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	18/10/2007	Nữ	Kinh	Phú Thọ	8.8				7.6	7.2	8.7	8.4	2.9	2.9	2.9	5.5	7.9	8.2	8.1	8.2	Toán, Văn, Tin	

Scanned with CamScanner

STT	Họ và đệm	Tên	Ngành đào tạo	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Anh	Văn	Tin	CN	TỔ HỢP XÉT TUYỂN							Điểm Tổ hợp Trúng tuyển	Tên tổ hợp trúng tuyển	Ghi chú
																Toán, Lý, Hóa	Toán, Hóa, Sinh	Toán, Lý, Sinh	Toán, Sinh, Anh	Toán, Văn, Anh	Toán, Văn, Tin	Toán, Văn, Công nghệ			
610	Hoàng Tuyết	Nhi	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	12/11/2007	Nữ	Tày	Tuyên Quang	5.4				5.8	6.6	8.1		1.8	1.8	1.8	3.7	5.9	6.7	4.0	6.7	Toán, Văn, Tin	
611	Nguyễn Hà	Vi	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	06/10/2007	Nữ	Tày	Phú Thọ	8				8	8.4	8.9	8.5	2.7	2.7	2.7	5.3	8.1	8.4	8.3	8.4	Toán, Văn, Tin	
612	Nguyễn Tiến	Vượng	KT Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	17/03/2007	Nam	Kinh	Phú Thọ	7.4				8.2	6	9.2	8.5	2.5	2.5	2.5	5.2	7.2	7.5	7.3	7.5	Toán, Văn, Tin	

Tổng: 612 sinh viên

Scanned with CamScanner